TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP Ô TÔ-VINACOMIN

Số: **1676** / VMIC-VP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày **08** tháng **4** năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Các cổ đông công ty

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin
- Mã chứng khoán: VMA
- Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại liên hệ : 02033. 865.286
- Fax: 02033.862.398
- **Nội dung thông tin công bố:** ***Công bố thông tin Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, gồm:***
- Thời gian thực hiện: **8h30' ngày 28 tháng 4 năm 2020**
- Tỷ lệ phân quyền: 1 cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết.
- Địa điểm tổ chức: Hội trường, Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô – Vinacomin
(Số 370, đường Trần Quốc Tảng, Phường Cẩm Thịnh - TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh)

* **Nội dung**: **Thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020**

- Toàn văn tài liệu phục vụ cho công tác tổ chức và biểu quyết tại Đại hội được đăng tải trên trên trang thông tin điện tử của công ty tại địa chỉ: **http://vmicauto.vn**, mục quan hệ cổ đông – tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- UBCKNN, Sở GDCK HN (B/cáo)
- Ủy viên HĐQT, BKS, KT,
- Lưu VT, VPHĐQT.

Tài liệu đính kèm:
- Thông báo Đại hội cổ đông thường niên năm 2020

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Xuân Phi

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ÔTÔ-VINACOMIN
Số: **1668** /TB-VMIC-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Cẩm Phả, ngày **08** tháng **4** năm **2020***

THÔNG BÁO

Về việc: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Kính gửi: Các Quý cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô – Vinacomin

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô – Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 24/4/2018

Thực hiện Nghị quyết số 02/2020/ BB-NQ ngày 18/3/2020 của Hội đồng quản trị, về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô - Vinacomin thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2020 như sau:

1. Thời gian tổ chức: Từ **08 giờ30** phút, ngày **28** tháng **04** năm **2020**

2. Địa điểm: Tại Hội trường Công ty Cổ phần Công nghiệp Ôtô – Vinacomin; số 370, đường Trần Quốc Tảng, phường Cẩm thịnh, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.

3. Nội dung đại hội: Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung:

a) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh công ty năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty.

b) Báo cáo phương án chi trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2019

c) Báo cáo chi trả thu lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2019. Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2020

d) Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

e) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về đánh giá quản lý kinh doanh của công ty năm 2019.

f) Báo cáo của ban kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính năm 2019

g) Báo cáo hoạt động của ban kiểm soát về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và giám đốc điều hành.

h) Báo cáo lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

i) Trình đại hội bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị công ty (Thực hiện Quyết định số: 577/QĐ-TKV ngày 31/3/2020 của Chủ tịch HĐTV Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam); Bầu thay thế thành viên ban kiểm soát nghỉ hưu từ 01/3/2020.

j) Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thương niên năm 2020

k) Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành phần tham dự đại hội:

- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô - Vinacomin.
- Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô - Vinacomin
- Tất cả cổ đông của Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô – Vinacomin có mặt tại thời điểm đăng ký cuối cùng (01/04/2020, theo thông báo số: 877/TB-VSB ngày 16/3/2020) do trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc những người được cổ đông của công ty ủy quyền tham dự hợp lệ.

5. Đăng ký tham dự đại hội:

a) Nếu cổ đông trực tiếp đi dự đại hội, đề nghị gửi giấy xác nhận có tham dự đại hội đồng cổ đông Công ty (có mẫu kèm theo) về Công ty qua đường bưu điện, fax, hoặc gửi trực tiếp trước 16h30' ngày 25/4/2020

b) Nếu cổ đông uỷ quyền cho người đại diện hoặc cổ đông khác đi dự đại hội, đề nghị gửi giấy uỷ quyền tham dự đại hội đồng cổ đông Công ty (có mẫu kèm theo) về Công ty qua đường bưu điện, fax, hoặc gửi trực tiếp trước 16h30' ngày 25/4/2020

c) Nếu cổ đông không có nhu cầu đi dự đại hội, đề nghị gửi giấy xác nhận không tham dự đại hội đồng cổ đông Công ty (có mẫu kèm theo) về Công ty qua đường bưu điện, fax, hoặc gửi trực tiếp trước 16h30' ngày 25/4/2020

* Trường hợp: Quá 16h30' ngày 25/4/2020 mà Công ty không nhận được bất cứ giấy xác nhận hay uỷ quyền nào của cổ đông, thì đương nhiên cổ đông đó sẽ được Công ty đưa vào danh sách không dự đại hội và Công ty không có trách nhiệm gửi giấy mời họp, tài liệu đại hội cho cổ đông.

* Địa chỉ liên hệ và gửi giấy xác nhận, giấy uỷ quyền: Phòng Tổ chức hành chính – Y tế ,Công ty cổ phần công nghiệp Ôtô – Vinacomin, Số 370, đường Trần Quốc Tảng, phường Cẩm thịnh, Thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại liên lạc: 0975.805858 (Đ/c Tâm); Số fax: 02033.862.398

6. Kiến nghị về nội dung Đại hội: Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông năm giữ từ ít nhất 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày chốt danh sách có quyền kiến nghị về Chương trình, nội dung Đại hội, các quyền theo điều lệ, gửi kiến nghị bằng văn bản đến Công ty chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc đại hội (28/4/2020)

7. Tài liệu gửi kèm theo Thông báo này gồm có:

- Giấy xác nhận tham dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo mẫu của Công ty cổ phần công nghiệp Ô tô – Vinacomin phát hành
- Giấy ủy quyền tham dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo mẫu của Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin phát hành

Lưu ý:

- Các quý vị cổ đông dự Đại hội phải tuân thủ các quy định của Chính Phủ về phòng chống dịch Covid-19 và theo hướng dẫn của Công ty.

- Trường hợp đặc biệt dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, theo chỉ đạo của Chính phủ, công ty hoãn họp Đại hội, thì trước thời điểm 05 ngày, Công ty sẽ có thông báo trên Website của Công ty tại địa chỉ: **http://www.vmicauto.vn** – Mục quan hệ cổ đông và công bó trên trang web điện tử của UBCK Nhà nước, dở GDCK Hà Nội để các cổ đông biết, thực hiện về nội dung hoãn họp và tổ chức họp tiếp.

- Cổ đông đến dự Đại hội tự lo ăn ở và phương tiện đi lại.

- Trước giờ diễn ra Đại hội 30 phút, Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền đến dự Đại hội phải xuất trình cho Ban tổ chức những giấy tờ sau:

+ Giấy chứng minh nhân dân, hoặc Hộ chiếu (nếu là Cá nhân); Giấy phép đăng ký kinh doanh bản sao có chứng thực (nếu là Tổ chức).

+ Giấy uỷ quyền dự họp (bản gốc nếu được uỷ quyền, giấy theo mẫu của công ty và có dấu treo đỏ của Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin).

Ngoài các tài liệu trên, Quý vị cổ đông có thể nhận tài liệu họp và một số tài liệu khác liên quan Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 tại trụ sở chính công ty, xem và lấy tài liệu tải trên trang Website của Công ty (tại địa chỉ: **http://www.vmicauto.vn**, mục Quan hệ Cổ đông, chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Trân trọng kính báo./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi
- Các cổ đông công ty
- Công bố Website (vmicauto.vn)
- Lưu Văn thư; BTC

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 5700353722-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VINACOMIN
TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH

Phạm Xuân Phi

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M.S.D.N:5700353722-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VINACOMIN
TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH

……., ngày ..... tháng 4 năm 2020

THƯ XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Tên cổ đông:……..……
Số CMND/ thẻ CCCD/ GP.ĐKKD số:……..……..
cấp ngày……..……tại:……..……..
Địa chỉ:…… .
Điện thoại:……

1. Số cổ phần sở hữu:…..……(Bằng chữ:……..……..)
2. Số cổ phần được ủy quyền:…..……..(Bằng chữ:……..)
(Có giấy ủy quyền kèm theo, trước khi vào Đại hội nộp bản chính)
Tổng số cổ phần……Bằng chữ:……

Tôi/ Chúng tôi đã nhận được thông báo tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2020, nay xác nhận:

*** TRỰC TIẾP THAM DỰ ĐẠI HỘI** ☐
*** ỦY QUYỀN CHO NGƯỜI ĐẠI DIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI** ☐
(Có giấy ủy quyền kèm theo)
*** KHÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI.** ☐

Trân trọng thông báo để Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông biết và tổng hợp.

Chữ ký của cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày ..... tháng 4 năm 2020

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Bên ủy quyền:……
Giấy phép ĐKKD số:……cấp ngày:……tại:……
Địa chỉ:……
Điện thoại:……
Số cổ phần sở hữu:……
(Bằng chữ:……)
Bên nhận ủy quyền:……
CMND số:……cấp ngày:……tại:……
Địa chỉ:……
Điện thoại:……
Số cổ phần được ủy quyền:……
(Bằng chữ:……)

Nội dung ủy quyền:
Bên nhận ủy quyền thay mặt Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty, thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Cam kết:
Giấy ủy quyền chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin. Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ một khiếu nại, kiện cáo đối với Công ty.

Bên nhận ủy quyền	**Bên ủy quyền**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Người được ủy quyền dự Đại hội cổ đông không được ủy quyền cho người khác dự họp.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày ..... tháng 4 năm 2020

GIẤY UỶ QUYỀN

Tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2020 Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô - Vinacomin

Chúng tôi là những Cổ đông sở hữu ..... cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô – Vinacomin gồm những người có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên	Số cổ phần sở hữu	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Chữ ký của người uỷ quyền

Nội dung ủy quyền

Nay chúng tôi cùng thống nhất uỷ quyền cho Ông/bà: .....

Địa chỉ: .....

Số CMND (hoặc hộ chiếu) ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp: .....

Điện thoại: ..... Fax .....Email.....

Mã số cổ đông: .....

Được thay mặt chúng tôi tham dự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chúng tôi tại Đại hội đồng cổ đông Công ty, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà chúng tôi sở hữu.

Người được chúng tôi uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người khác và có trách nhiệm tuân thủ Quy chế tổ chức đại hội do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty quy định.

Giấy uỷ quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần công nghiệp Ô tô – Vinacomin năm 2020 và được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, người được uỷ quyền giữ một bản và những người uỷ quyền giữ một bản.

Cam kết:

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc uỷ quyền này và đã nhất trí ký tên xác nhận tại giấy uỷ uỷ quyền này./.

Rất mong được sự quan tâm chấp thuận. Xin trân trọng cám ơn./.

Chữ ký của người được uỷ quyền: .....

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ÔTÔ - VINACOMIN

TÀI LIỆU
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ÔTÔ – VINACOMIN

Báo cáo tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2020
ngày 28/4/2020

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2020

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP Ô TÔ – VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2020

Dự thảo tại Đại hội

QUY CHẾ
Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô – VINACOMIN

Căn cứ:

Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô – VINACOMIN

Điều 1. Điều kiện Tổ chức đại hội

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty đủ điều kiện tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông và phân bổ quyền thực hiện bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán xác định tại ngày đăng ký cuối cùng (01/4/2020) .
2. Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà không có đủ số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, thì đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không thành.
3. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại (đại hội lần thứ 2) cần có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì phải triệu tập đại hội lần thứ 3 trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần 2.
4. Đại hội đồng cổ đông lần thứ 3 được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông tham dự và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà đại hội đồng cổ đông lần 1 dự kiến phê chuẩn.

Điều 2. Tư cách cổ đông tham dự đại hội

1. Cổ đông có quyền tham dự đại hội phải là người có tên trong Danh sách cổ đông và phân bổ quyền thực hiện bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán xác định tại ngày đăng ký cuối cùng (01/4/2020) tại Văn bản số : 877/ TB0VSD ngày 16/3/2020 Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp cho công ty.

2. Cổ đông tham dự Đại hội được phát Tài liệu Đại hội và 01 thẻ biểu quyết, 01 phiếu biểu quyết; cổ đông kiêm tra các thông tin trên thẻ và phiếu biểu quyết.

3. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19:

- Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội phải tuân thủ theo các yêu cầu của Ngành Y tế, cơ quan quản lý địa phương về phòng dịch: khai báo

Ytế, đo thân nhiệt, đeo khẩu trang và thực hiện theo hướng dẫn của Công ty khi tham dự Đại hội.

- Ngày tổ chức Đại hội có thể được điều chỉnh cho phù hợp theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cấp quản lý có thẩm quyền.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội:

1. Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người đại diện tham dự đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của đại hội.
2. Được Ban tổ chức đại hội gửi giấy mời họp kèm theo, quy chế đại hội, chương trình đại hội và góp ý trước bằng văn bản cho Ban tổ chức đại hội để tổng hợp, hoặc để thảo luận trực tiếp tại đại hội.
3. Được phát thẻ biểu quyết với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện (ví dụ thẻ biểu quyết của đại biểu cổ đông được ghi là 10.000 cổ phần, tức là cổ đông đó có 10.000 phiếu biểu quyết).
4. Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền đến dự Đại hội phải xuất trình cho Ban tổ chức:
   - Giấy chứng minh nhân dân, hoặc Hộ chiếu (nếu là Cá nhân); Giấy phép đăng ký kinh doanh bản sao có chứng thực (nếu là Tổ chức);
   - Giấy uỷ quyền dự họp (bản gốc nếu được uỷ quyền, giấy theo mẫu của công ty và có dấu treo đỏ của Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin).
5. Để thuận tiện cho việc chuẩn bị tài liệu và bố trí địa điểm Đại hội, Ban tổ chức đề nghị Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền dự đại hội chủ động đăng ký tham dự đại hội với Ban tổ chức trước 16 giờ 30 ngày 25 tháng 4 năm 2020. Các cổ đông không đăng ký trước vẫn có quyền tham dự Đại hội.
6. Cổ đông tham dự đại hội đến muộn có quyền được đăng ký vào dự và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo trong chương trình nghị sự, nhưng không có quyền biểu quyết về những nội dung đã được đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).
7. Cổ đông dự họp ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do ban tổ chức quy định.
8. Không mang các vật nguy hiểm, chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy và không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
9. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các điện thoại di động phải tắt hoặc để ở chế độ im lặng.
10. Trang phục đi dự Đại hội: Trang trọng, lịch sự.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đại hội thành lập, có trách nhiệm:
   - Lập danh sách cổ đông tham dự đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra đại hội.
   - Thu và kiểm tra các giấy mời họp, giấy uỷ quyền tham dự đại hội.
   - Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần không.
   - Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để đọc trước đại hội.
   - Phát thẻ biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nghĩa vụ tuyệt đối trung thực, cẩn trọng khi thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô - Vinacomin làm chủ toạ đại hội.
2. Chủ toạ đại hội có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:
   a) Điều khiển đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự.
   b) Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của đại hội.
   c) Có quyền trì hoãn đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:
   - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của đại hội.
   - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Thư ký đại hội:

Thư ký có nhiệm vụ giúp việc Chủ toạ điều hành đại hội, ghi chép, công bố kết quả biểu quyết từng nội dung trong đại hội và đọc biên bản, nghị quyết đại hội. Thông báo cho Đại hội kết quả biểu quyết của từng vấn đề được biểu quyết;

Điều 7. Trách nhiệm ban kiểm phiếu

Xác định kết quả biểu quyết của Cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội. Nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký kết quả biểu quyết.

Điều 8. Phát biểu ý kiến thảo luận

1. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận cần giơ tay đề nghị, để chủ tọa sắp xếp trình tự phát biểu theo thứ tự nội dung chương trình nghị sự.
2. Các ý kiến phát biểu ngắn gọn, tập trung vào những trọng tâm cần trao đổi, thảo luận, phù hợp với chương trình nghị sự đã được Đại hội thông qua.
3. Căn cứ vào chương trình Đại hội cổ đông, chủ toa Đại hội sẽ trả lời trực tiếp hoặc gián tiếp bằng văn khi có đủ các số liệu các phòng nghiệp vụ cung cấp trên cơ sở số liệu SXKD năm 2019

Điều 9. Biểu quyết tại đại hội

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, bao gồm:
   - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh công ty năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty;
   - Báo cáo phương án chi trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2019;
   - Báo cáo chi trả thu lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2019. Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2020;
   - Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
   - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về đánh giá quản lý kinh doanh của công ty năm 2019;
   - Báo cáo của ban kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính năm 2019;
   - Báo cáo hoạt động của ban kiểm soát về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và giám đốc điều hành năm 2019;
   - Báo cáo lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020;

- Trình đại hội bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị công ty (*Thực hiện Quyết định số: 577/QĐ-TKV ngày 31/3/2020 của Chủ tịch HĐTV Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam*); Bầu thay thế thành viên ban kiểm soát nghỉ hưu từ 01/3/2020 (*Thực hiện theo chương trình nội dung tổ chức Đại hội tại văn bản số: 1671/TKV-KS ngày 07/4/2020 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam)*
- Thông qua biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Mỗi cổ đông tham dự đại hội được cấp 1 thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô - VINACOMIN.
3. Mỗi cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) tương ứng với 1 phiếu biểu quyết.
4. Cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội.

Điều 10. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 11. Giá trị hiệu lực:

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô – VINACOMIN năm 2020 có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

Nơi nhận:
- Các cổ đông;
- Ban chỉ đạo ĐH;
- Đăng Web
- Lưu.VP, Thư ký.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Phi

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ÔTÔ - VINACOMIN

BÁO CÁO

TỔNG KẾT CÔNG TÁC SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2019 TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2020

Tháng 4 năm 2020

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số: 999 /BC-VMIC-KHVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Phần thứ nhất
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2019 tình hình kinh tế đất nước tiếp tục được duy trì, ổn định và có chiều hướng tăng mạnh. Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng và đạt được trên tất cả các lĩnh vực, với động lực là ngành sản xuất chế tạo tiếp tục mở rộng, sản xuất nông nghiệp tăng cao, ngành dịch vụ ổn định, tiêu dùng trong nước được duy trì tốt.

Đặc biệt, năm 2019 toàn Tập đoàn TKV đều đạt và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch đề ra. Đồng thời, năm 2019 là năm Tập đoàn TKV áp dụng mô hình vừa sản xuất, vừa kinh doanh than.

Ngoài ra, Tập đoàn TKV đã có chính sách mạnh mẽ hơn thu hút và bù đắp nguồn nhân lực có chất lượng cao, thay đổi cơ cấu chất lượng lao động; Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí để giảm thiểu ảnh hưởng của chỉ số giá tiêu dùng tác động lên giá thành sản xuất; nghiên cứu cơ chế trả lương để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Từ những điều kiện thuận lợi trên của ngành Than – Khoáng sản Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi cho hầu hết các đơn vị tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019 trong Tập đoàn các Công ty TKV; trong đó có Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch PHKD năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH Điều chỉnh (%)
I	**Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu**					
I.1	**Sửa chữa thiết bị, xe máy**					
	TĐT xe ô tô HD 325; xe ô tô HD 465; xe ô tô HD 785	Xe	30	29	31	107
	TĐT xe CAT 773E, 777D	Xe	13	17	17	100
	TĐT xe ô tô Volvo A40D và xe ô tô HM400-2R	Xe	1	1	1	100
	TĐT xe ô tô trung xa (Scania; Kamaz, xe KrAZ và xe Hyundai)	Xe	26	36	39	108
	TĐT máy xúc thuỷ lực, máy khoan	Máy	11	14	14	100
	TĐT máy gạt các loại	Máy	4	6	6	100
	TĐT Đầu tầu	Máy	3	1	1	100

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch PHKD năm 2019	Kế hoạch Điều chỉnh năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH Điều chỉnh (%)
1	2	3	4	5	6	7
	Sửa chữa cụm Động cơ, Hộp số xe ô tô các loại	Cụm	40	48	51	106
	Sửa chữa xe trạng thái, thiết bị tại khai trường	Tr.đ	15 000	10 000	18 003	180
I.2	**Chế tạo và Phục hồi phụ tùng phụ tùng, thiết bị**					
1	**Chế tạo phụ tùng**	**Tấn**	**1 700**	**2 300**	**2 316**	101
	Trong đó:					
	Chế tạo thiết bị, phụ tùng bán ngoài	Tấn	1 250	1 800	1 830	102
	Chế tạo thiết bị, phụ tùng tự dùng	Tấn	450	500	486	97
	Chế tạo thanh neo lò	Bộ	20 000	16 000	18 450	115
2	**Phục hồi phụ tùng**	**Tấn**	**780**	**790**	**900**	114
	Phục hồi phụ tùng bán ngoài	Tấn	550	560	650	116
	Phục hồi phụ tùng tự dùng	Tấn	230	230	250	109
I.3	**Chế tạo xe chuyên dùng**	**Xe**	**0**	**14**	**14**	100
I.4	**Lắp ráp xe tải nặng**	**Xe**	**0**	**0**	**0**	
II	**Doanh thu**	**Tr.đ**	**293 000**	**345 000**	**404 472**	117
1	Doanh thu sản xuất cơ khí	Tr.đ	285 000	327 000	383 375	117
2	Doanh thu khác	Tr.đ	8 000	18 000	21 097	117
III	**Giá trị sản xuất**	Tr.đ	**285 400**	**327 900**	**385 178.0**	117
IV	**Tổng chi phí sản xuất trong kỳ**	Tr.đ	**287 751**	**339 701**	**398 934**	117
IV.1	**Chi phí trung gian**		**238 667**	**282 796**	**333 868**	118
1	Nguyên vật liệu	Tr.đ	217 398	261 427	305 244.8	117
2	Nhiên liệu	Tr.đ	850	950	1 011.8	107
3	Động lực	Tr.đ	2 350	2 350	2 866.0	122
4	Chi phí khác + Chi phí ăn ca + Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tr.đ	18 069	18 069	24 745.5	137
IV.2	**Giá trị gia tăng**		**49 083.5**	**56 904.5**	**65 065.6**	114
1	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	6 300	6 300	8 509.0	135
2	Tiền lương	Tr.đ	37 228	45 049	**50 002.4**	111
3	Bảo hiểm XH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đ	4 912.5	4 912.5	5 787.4	118
4	Thuế, phí trong giá thành	Tr.đ	643	643	766.8	119
V	**Lợi nhuận**	**Tr.đ**	**5 250**	**5 300**	**5 538.2**	105
VI	**Lao động tiền lương**					
1	Lao động BQ trong danh sách	Người	372	368	368.0	100
2	Tiền lương bình quân	1000 đ/ng	8 339	10 213	11 323.0	111

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch PHKD năm 2019	Kế hoạch Điều chỉnh năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH Điều chỉnh (%)
1	2	3	4	5	6	7
3	Đơn giá tiền lương (Không bao gồm VCQL)	đồng/1000 đ GTSX	125.00	132.74	125.68	95
VII	**Kết quả thực hiện khoán chi phí**					
	Giá thành kế hoạch (C kh)	Tr.đ		339 701		
	Giá thành kế hoạch điều chỉnh (C khđc)	Tr.đ		400 175		
	Xác định mức tiết kiệm (-), bội chi (+) E	Tr.đ				
	Mức tăng giảm tuyệt đối lợi nhuận so với Kế hoạch điều chỉnh (Δ LN)	Tr.đ			-1 241	

2. Đánh giá, phân tích tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch PHKD, các giải pháp chủ yếu đã triển khai thực hiện chỉ đạo điều hành kế hoạch PHKD năm 2019.

2.1. Đánh giá, phân tích tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019.

Qua bảng số liệu trên cho thấy về các chỉ tiêu giá trị sản lượng, doanh thu, tiền lương của người lao động, lợi nhuận của Công ty năm 2019 đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể:

+ Doanh thu đạt 404,472 tỷ/345,0 tỷ = 117% KHĐC;

+ Lợi nhuận đạt 5,538,4 tỷ/5,300 tỷ = 105,0% KHĐC;

+ Tiền lương bình quân đạt 11.323 tr.đ/10.213 tr.đ/ng-tháng = 111,0% KHĐC.

So sánh với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2019 thì: Doanh thu năm 2019 đạt 404,472 tỷ/293,0 tỷ = 138,05% và bằng 116,02 % so với cùng kỳ năm 2018 (404.472/348.365 triệu đồng);

Nguyên nhân tất cả các chỉ tiêu đều tăng cao so với kế hoạch được giao là bước sang năm 2019, Công ty có nhiều thuận lợi hơn về việc làm so với các năm trước đây; đó là hầu hết các đơn vị tham gia kế hoạch PHKD trong Tập đoàn TKV đã đưa thiết bị xe máy vào sửa chữa ngay từ đầu năm trên cơ sở đã đăng ký kế hoạch với Tập đoàn. Đặc biệt, để kịp thời chỉ đạo Tập đoàn đã ban hành văn bản số: 3036/TKV-CV ngày 14/6/2019 về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ chào hàng cạnh tranh sửa chữa TSCĐ là thiết bị nội bộ TKV. Do đó tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tham gia chào hàng để tăng sản lượng sửa chữa trung đại tu thiết bị, xe máy cao hơn so với kế hoạch được giao; Cụ thể, xe HD tăng 01 xe (31 xe/30 xe); Xe CAT các loại tăng 04 xe (17 xe/13 xe KH); Máy xúc thủy lực tăng 03 máy (14 máy/11 máy KH); Máy gạt tăng 02 máy (06 máy/04 máy KH); Sửa chữa cụm tăng 11 cụm (51 cụm/40 cụm KH).

Đồng thời, do hầu hết các đơn vị sản xuất khai thác than, khoáng sản đều phải tiết giảm chi phí do đó đã chuyển từ sử dụng hàng hóa nhập khẩu sang sử dụng hàng nội địa hóa. Vì vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sang năm 2019 tập trung tăng cường nâng cao sản lượng hàng gia công, chế tạo và phục hồi. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn, Công ty đã tập trung đẩy mạnh việc sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm mới mang tính chiến lược và cốt lõi trên cơ sở công nghệ thiết bị đã đầu tư để sản xuất thay thế hàng nhập khẩu đã được Tập đoàn phê duyệt tại các văn bản số: 1919/TKV-VTM+CV+KH ngày 26/4/2016 và văn bản số: 515/TKV-VTM+CV+KH ngày 26/01/2018 về việc hướng dẫn mua sắm vật tư trong ngành. Cụ thể:

+ Chế tạo phụ tùng, thiết bị đạt: 2.168 tấn/1.700 tấn (Bằng 134,6% KH)

+ Phục hồi phụ tùng đạt: 900 tấn/780 tấn (Bằng 115,4% KH)

Như vậy, ngoài các sản phẩm chế tạo, sửa chữa phục hồi tự dùng phục vụ sửa chữa, trung đại tu thiết bị, xe máy và bán cho các đơn vị ngoài TKV thì sản lượng sản phẩm chế tạo sửa chữa, phục hồi tiêu thụ trong Tập đoàn các Công ty TKV cũng tăng cao và chiếm tỷ trọng tương đối lớn so với kế hoạch được giao.

Vì vậy, năm 2019 Công ty đã ổn định được việc làm, doanh thu, lợi nhuận và đảm bảo thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động.

2.2. Giải pháp điều hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tổ chức sản xuất năm 2019.

Nhằm đảm bảo ổn định sản xuất, góp phần hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu Tập đoàn giao cho năm 2019, ngay từ đầu năm Công ty đã chỉ đạo xây dựng và ban hành quyết định số: 121/QĐ-VMIC-KHVT ngày 09/01/2019 về việc Quy định và cá giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện mục tiêu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019; Cũng như xây dựng kế hoạch SXKD điều hành nội bộ, giải pháp điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019 gửi Tập đoàn để theo dõi chỉ đạo tại Báo cáo số: 556/BC-VMIC-KHVT ngày 19/02/2019; Theo đó Công ty đã xây dựng kế hoạch mục tiêu nhiệm vụ cho từng quý và các giải pháp điều hành chi tiết. Phân công cụ thể cho từng đồng chí lãnh đạo Công ty theo chức năng nhiệm vụ; thị trường và lĩnh vực được phân công.

Trên cơ sở thị trường năm 2019 của Công ty chủ yếu là phục vụ các đơn vị sản xuất khai thác Than, Khoáng sản trong Tập đoàn TKV; Đó là tập trung sửa chữa các loại xe tải nặng và chế tạo, phục hồi một số phụ tùng ô tô, thiết bị cho các mỏ lộ thiên và hầm lò. Số lượng xe đại xa sửa chữa theo hướng dẫn của Tập đoàn năm 2019 tiếp tục cạnh tranh theo cơ chế đấu thầu.

Vì vậy, ngoài các sản phẩm trên cơ sở được ghi trong hướng dẫn của Tập đoàn thì sang năm 2019 Công ty tiếp tục chủ động cùng với các đơn vị tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh nhận làm thêm các sản phẩm phục vụ sản xuất hầm lò, vận tải đất đá phục vụ khai thác mỏ lộ thiên, tìm kiếm thêm các công trình sản phẩm mới, thị trường mới, việc làm ngoài Tập đoàn TKV giao. Trong đó đặc biệt chú trọng chế tạo các sản phẩm phục vụ chương trình Cơ giới hóa khai thác hầm lò của TKV cũng như tăng cường công tác tham gia sửa chữa cho các đơn vị tại các khai trường, công trường.

Đồng thời Công ty đã xây dựng các giải pháp và đưa mục tiêu tăng cường mở rộng, khai thác hợp tác nhận thêm thị trường việc làm ngoài Tập đoàn TKV, trong đó:

+ Tăng tỷ trọng doanh thu, sản lượng hàng hóa gia công chế tạo và phục hồi. Mở rộng tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm mới, sản phẩm dịch vụ ngoài ngành.

+ Thiết kế, chế tạo chi tiết, cụm chi tiết cho các nhà máy Nhiệt điện; các Công ty Nhôm Lâm đồng; Nhôm Đắc Nông; mỏ đồng Sin Quyền Lào Cai.

+ Chế tạo cung cấp các phụ tùng thiết bị phục vụ sản xuất khai thác trong hầm lò như các Công ty than Hà Lầm; Than Núi Béo; Than Khe Chàm; Than Mông Dương; Than Hạ Long; Than Thống nhất và Công ty Xây lắp Mỏ – TKV.

+ Nghiên cứu, thiết kế chế tạo cung cấp thiết bị dây chuyền xử lý phế thải xây dựng cho Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (RICA) tại Việt Nam, v.v…

+ Tiếp tục duy trì nhận việc làm trong công tác phục vụ sửa chữa thiết bị xe máy thường xuyên tại các khai trường, công trường cho các đơn vị thuộc Tổng Công ty Đông Bắc; Các đơn vị trong Tập đoàn TKV như: Công ty Than Cọc Sáu, Công ty Kho vận và Cảng Cẩm phả; Công ty Than Núi Béo, v.v…

+ Đặc biệt trong năm 2019 Công ty đã hợp tác với hãng BELAZ lắp ráp 04 xe BELAZ loại 130 tấn đưa vào hoạt động chạy thử nghiệm thành công tại khai trường mỏ Than Hà tu trong tháng 4 năm 2019 để phát triển sản phẩm của Công ty.

+ Tăng cường thiết kế, cải tạo sản xuất các loại xe máy chuyên dùng, xe đặc chủng trên xe đại xa và các chassi xe trung xa.

+ Đổi mới và tăng cường lực lượng làm công tác thị trường thường xuyên hoạt động, bám sát kế hoạch phối hợp SXKD của Tập đoàn, tăng cường quan hệ tiếp cận khách hàng để nhận việc và tiêu thụ sản phẩm ngay từ đầu năm.

Duy trì và cải tiến cơ chế tìm việc làm và tiêu thụ sản phẩm thông thoáng và hiệu quả. Nắm bắt thường xuyên các thông tin về khách hàng, thông tin về các đối tác cạnh tranh liên quan đến việc tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ của Công ty để có chính sách thị trường phù hợp.

Đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường. Nghiên cứu nhu cầu của thị trường phát triển thêm sản phẩm mới có thể tiêu thụ với số lượng lớn, ổn định.

3. Kiểm điểm đánh giá các mặt công tác

3.1. Đánh giá công tác chuẩn bị và tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng sản phẩm.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn, đặc biệt trên cơ sở quyết định số: 1891/QĐ-TKV ngày 26/10/2018 của Tập đoàn về việc ban hành Quy định sửa chữa TSCĐ là thiết bị. Theo đó:

+ Công ty đã triển khai đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm: Nâng cao chất lượng lao động, chất lượng vật tư phụ tùng; Chuẩn bị tốt kỹ thuật công nghệ, đầu tư trang thiết bị và điều kiện vệ sinh phù hợp, đi đôi với tăng cường quản lý. Tăng cường công tác tự kiểm tra sản phẩm hàng ngày trong quá trình sản xuất của các phân xưởng, kiểm tra hạn chế thấp nhất các lỗi đối với các sản phẩm trước khi xuất xưởng bàn giao cho khách hàng đưa vào sử dụng.

+ Công tác sửa chữa được thực hiện cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác. Việc giám định kỹ thuật tại Công ty phải được thống nhất với đơn vị quản lý sử dụng thiết bị, hạn chế thấp nhất việc sai, lỗi và phát sinh ảnh hưởng đến tiến độ sửa chữa.

+ Khi xảy ra các lỗi vi phạm về chất lượng, phải xem xét tìm ra nguyên nhân, xác định mức độ thiệt hại, quy được trách nhiệm đến cùng, đồng thời phải có hành động khắc phục và xây dựng các biện pháp phòng ngừa để tránh lặp lại.

+ Phối hợp tốt với đơn vị quản lý sử dụng thiết bị xây dựng phương án sửa chữa, trung đại tu phù hợp trên cơ sở đơn giá, tiến độ sửa chữa đã được Tập đoàn TKV quy định tại văn bản số: 1891/QĐ-TKV ngày 26/10/2018.

3.2. Về công tác chất lượng, tiến độ và bảo hành sản phẩm

Ngay từ đầu năm Công ty đã kiên quyết chỉ đạo thực hiện bằng được tiến độ sửa chữa theo quy định tại quyết định số: 1891/QĐ-TKV ngày 26/10/2018. Tuy nhiên một vài thiết bị vẫn bị chậm tiến độ, tuy không nhiều. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tiến độ theo QĐ số: 1891/QĐ-TKV (ngày)	Số ngày thiết bị S/C bình quân	Ghi chú
1	TĐT Xe HD 325	Xe	50	50	
2	TĐT Xe HD 465; CAT 773E	Xe	60	58	
3	TĐT Xe CAT 777D; HD 785	Xe	75	69	
4	Xe trung xa > 25 tấn	Xe	45	46	
5	Xe trung xa < 25 tấn	Xe	30	32	
6	Máy xúc thủy lực gầu <5m3	Máy	50	50	
7	Máy xúc thủy lực gầu > 8m3	Máy	60	65	
8	Máy xúc lật các loại	Máy	40	42	
9	Máy gạt CAT, KOMATSU	Máy	50	55	

Công tác chất lượng các loại sản phẩm, dịch vụ của Công ty ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên theo đánh giá của khách hàng chất lượng cần phải được duy trì và tăng tính ổn định hơn nữa.

Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm sau sửa chữa vẫn còn phải bảo hành, việc xử lý bảo hành chưa dứt điểm và thiếu kiên quyết trong việc phân định nguyên nhân, trách nhiệm về công tác bảo hành sản phẩm. Nguyên nhân của công tác này là việc kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào và giám sát theo dõi quá trình sửa chữa, lắp ghép chất lượng chưa cao và công tác phối hợp theo dõi quá trình vận hành của các đơn vị còn lỏng lẻo.

Việc kiểm soát sản phẩm sai, hỏng ngay trong quá trình sản xuất đã được quan tâm tốt hơn. Công tác kiểm soát chất lượng hàng chế tạo, phục hồi đáp ứng được yêu cầu. Các sản phẩm chế tạo của Công ty đang ngày càng có uy tín trên thị trường.

Một số tồn tại, nguyên nhân của công tác chất lượng, tiến độ sản phẩm sửa chữa trung đại tu.

+ Tồn tại: Công tác chuẩn bị sản xuất của Công ty còn có mặt hạn chế làm kéo dài thời gian sửa chữa, nhất là việc giải thể, thống nhất phương án sửa chữa với đơn vị sử dụng thiết bị; Công tác chuẩn bị vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa một số thiết bị, xe máy còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ sửa chữa.

+ Nguyên nhân: Nguyên nhân chính của tồn tại trên là những chủng loại xe này đã sử dụng nhiều năm, mức độ hư hỏng nặng nên khối lượng vật tư thay thế nhiều làm tăng giá trị sửa chữa. Để giảm chi phí khách hàng thường phải cân đối, nghiên cứu chuyển phương án như tháo chọn chuyển đổi một số phụ tùng của các thiết bị khác hoặc chuyển từ thay thế sang sửa chữa phục hồi hoặc cân đối xem xét sử dụng hàng thay thế để giảm chi phí nên làm chậm thời gian đặt hàng làm kéo dài thời gian sửa chữa. Ngoài ra với một số thiết bị đã lạc hậu kỹ thuật, việc đặt hàng chậm do phải chờ các hãng sản xuất, thông qua các đơn vị nhập khẩu cũng ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ sửa chữa thiết bị.

3.3. Công tác An toàn – Vệ sinh lao động – PCCN

3.3.1. Công tác huấn luyện AT – VSLĐ - PCCN

Ngay từ đầu năm Công ty đã chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện hồ sơ công tác AT- VSLĐ, quản lý ghi chép cập nhật theo đúng quy định, đồng thời tổ chức huấn luyện định kỳ cho công nhân lao động. Theo đó, ngay từ tháng 01/2019 các đơn vị đã đồng loạt tổ chức huấn luyện định kỳ cho người lao động. Khối trực tiếp sản xuất sản xuất đạt: 280 người/280 người. Khối gián tiếp đạt 100%.

Trong năm 2019 tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 20 lao động tập nghề thử việc, học sinh, sinh viên thực tập nghề tại Công ty. Tổ chức cho 291 công nhân lao động trực tiếp lao động sản xuất tại các đơn vị được Trung tâm huấn luyện an toàn tỉnh Quảng Ninh huấn luyện AT-VSLĐ vào ngày 19/5/2019.

Công tác bảo vệ môi trường được duy trì thường xuyên, xử lý chất thải nguy hại, nước thải công nghiệp, thực hiện nộp phí môi trường, mặt bằng nhà xưởng sản xuất luôn sạch sẽ.

Các đơn vị và người lao động đã có ý thức thường xuyên quan tâm đến VSMT thực hiện đơn vị phong quang gọn sạch. Trong năm Công ty đã mời Trung tâm Y tế dự phòng của tỉnh về đo kiểm vi khí hậu tại các vị trí làm việc, đều được kết quả đảm bảo đủ điều kiện An toàn.

Trong năm đã được đoàn cán bộ cảnh sát Môi trường công an tỉnh Quảng Ninh đã kiểm tra việc chấp hành pháp luật Môi trường của Công ty. Đoàn đánh giá Công ty thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định, không để xảy ra sự cố môi trường.

3.3.2. Công tác quản lý thiết bị, mặt bằng sản xuất

Tổng số thiết bị toàn Công ty có: 430 thiết bị; trong đó thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn có: 58 thiết bị. Các thiết bị có đầy đủ quy trình và nội quy được treo ở các vị trí dễ thấy dễ nhìn. Thiết bị được vệ sinh thường xuyên, đủ che chắn, tiếp địa.

Đo tiếp địa đầy đủ đảm bảo An toàn ở 402 điểm toàn Công ty trong tháng 03/2019. Mặt bằng sản xuất, VSMT sạch gọn thông thoáng, ánh sáng đảm bảo đủ điều kiện làm việc an toàn. Có đầy đủ các biển cảnh báo, cảnh giới, biển báo nguy hiểm và biển chỉ dẫn an toàn.

Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đều được đăng ký với Sở LĐTB &XH Tỉnh Quảng Ninh và đều mời trung tâm kiểm định khu vực I về kiểm định và cấp giấy phép hoạt động.

Tổ chức khám sức khoẻ cho công nhân làm việc trên cao, khám sức khỏe cho bộ phận phục vụ nhà ăn công nghiệp. Thường xuyên tuyên truyền phòng chống dịch, phun thuốc khử trùng, kiểm soát chặt chẽ an toàn vệ sinh thực phẩm. Năm 2019 không để xảy ra mất AT -VS thực phẩm và nhiễm dịch xảy ra.

3.3.3. Kết quả thực hiện công tác AT – VSLĐ

TT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2019				
		Kế hoạch		Thực hiện		Tỷ lệ % TH/KH
		Số việc	Giá trị	Số việc	Giá trị	
1	Các biện pháp kỹ thuật An toàn - Phòng chống cháy nổ.	15	245,9	15	245,9	100 %
2	Các biện pháp về kỹ thuật VSLĐ phòng chống độc hại, cải thiện điều kiện làm việc.	07	441,8	07	441,8	100 %
3	Mua sắm trang bị cá nhân.	24	300,4	24	482.2	160,5%
4	Chăm sóc sức khoẻ người lao động	09	477,6	09	477,6	100 %
5	Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về BHLĐ.	06	181,6	06	181,6	100 %
	Tổng cộng	**61**	**1647,6**	**61**	**1829**	**111 %**

Do có chỉ đạo sâu sát và phân công trách nhiệm rõ ràng nên năm 2019 việc thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ đạt kết quả cao trên các chỉ tiêu mua sắm trang bị BHLĐ cá nhân, các biện pháp kỹ thuật, cải thiện điều kiện làm việc, và tuyên truyền giáo dục, huấn luyện AT-VSLĐ. Kết quả đạt 111 % kế hoạch.

3.3.4. Công tác PCCN, PCTT - TKCN

Ngay từ đầu năm Công ty đã xây dựng phương án PCCN được Tập đoàn và cơ quan Công an tỉnh phê duyệt. Trong đợt kiểm tra của Công an Quảng Ninh đánh giá Công ty là đơn vị chấp hành, thực hiện tốt công tác PCCC, trong năm không để xảy ra sự cố cháy nổ.

Các đơn vị đều đó có phương án PCCN, sơ đồ cảnh báo những nơi dễ phát sinh nguồn lửa để đề phòng. Lập sổ theo dõi trang bị PCCN của đơn vị đầy đủ.

Xây dựng phương án PCTT – TKCN năm 2019. Không xảy ra thiệt hại do mưa bão gây ra.

Một số tồn tại công tác Vệ sinh lao động – Môi trường

Mặt bằng sản xuất một số vị trí còn chưa thật sự sạch sẽ, nhất là góc khuất, gầm thiết bị.

Vị trí đã giao cho các đơn vị vệ sinh thu dọn cỏ rác ngoài khu vực sản xuất vào chiều thứ 6 hàng tuần có đơn vị chưa duy trì đầy đủ, thường xuyên.

Việc chăm sóc cây cảnh, cây ăn quả chưa thường xuyên, chất lượng chưa cao.

3.4. Công tác tổ chức sản xuất, lao động, tiền lương và chế độ chính sách cho người lao động

3.4.1. Tổ chức sản xuất, lao động

+ Tổng số CBCNV bình quân là 368 người (Lao động bình quân 368 người).

+ Trong năm 2019 Công ty tiếp tục tổ chức sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất cho phù hợp với điều kiện thực tế; Theo đó tổ chức bộ máy của Công ty đến thời điểm báo cáo chỉ còn 05 phòng, 04 phân xưởng sản xuất và 01 chi nhánh (Sáp nhập phân xưởng sửa chữa động cơ & thủy lực vào phân xưởng sửa chữa ô tô).

+ Ngoài ra, bổ nhiệm và luân chuyển 02 phó trưởng phòng (Ông Nguyễn Văn Đông; ông Nguyễn Đức Thịnh).

+ Bổ nhiệm 02 phó quản đốc phân xưởng (Ông: Lê Trọng Hà; Ông Nguyễn Văn Việt).

3.4.2. Thu nhập, tiền lương người lao động

Tiền lương bình quân : 11,323 tr.đ/người-tháng.

Trong đó:

+ Người lao động : 11,113 tr.đ/người-tháng.

+ Viên chức quản lý : 26,533 tr.đ/người-tháng.

3.4.3. Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động

+ Giải quyết chế độ được hưởng BHXH cho các trường hợp bị TNLĐ là ông Nguyễn Văn Hàn, công nhân phân xưởng Cơ điện phục vụ, với số tiền được hưởng trợ cấp hàng tháng là: 967.649 đồng; Ông Trần Văn Thắng, phân xưởng Cơ khí với số tiền được hưởng trợ cấp một lần là: 55.210.200 đồng.

+ Giải quyết chế độ tử tuất cho một trường hợp là ông Hồ Xuân Thắng, với số tiền trợ cấp của BHXH là: 319.935.637 đồng.

+ Hoàn thiện hồ sơ thủ tục giải quyết cho nghỉ hưu trí hưởng chế độ BHXH là: 10 trường hợp.

+ Chấm dứt hợp đồng lao động cho 14 trường hợp, với số tiền trợ cấp là: 87.622.000 đồng.

+ Nộp đầy đủ và đúng hạn các chế độ BHXH; BHYT; BHBNN; TNLĐ cho người lao động với BHXH tỉnh Quảng Ninh, với tổng số tiền nộp đến hết tháng 10/2019 là: 5.755.663.620 đồng.

+ Ngoài ra, phối hợp với BHXH Quảng Ninh giải quyết chuyển ngành nghề độc hại cho 17 công nhân đã nghỉ chế độ các năm 2017-2018.

+ Tổ chức khám sức khỏe cho những công nhân làm việc trên cao.

Năm 2019 Công ty lo đủ việc làm, không để người lao động phải nghỉ chờ việc, trả lương theo đúng kỳ hạn vào ngày 25 hàng tháng, giải quyết đầy đủ kịp thời các chế độ của người lao động. Bổ sung lương nhân các ngày lễ với mức bình quân 1.000.000 đồng/người; Tổ chức cho người lao động và cho toàn thể CBCNV toàn Công ty đi tham quan, học tập với số tiền 3.500.000đ/người.

Ngoài ra, trong năm 2019 Công ty tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động từ thiện và hoạt động xã hội khác, bao gồm:

+ Ủng hộ các xã, thôn đặc biệt khó khăn trong tỉnh Quảng Ninh, số tiền 10.180.000 đồng.

+ Nộp quỹ phòng chống thiên tai, số tiền: 75.918.723 đồng.

+ Nộp quỹ mái ấm Công đoàn, số tiền: 13.120.000 đồng.

+ Ủng hộ các tổ chức từ thiện trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, số tiền: 21.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ phường Cẩm Thịnh, Ban CHQS TP Cẩm Phả, MTTQ TP Cẩm Phả, số tiền: 44.500.000 đồng.

+ Hỗ trợ các trường Đại học, Cao đẳng trong công tác tuyển công nhân lao động, số tiền: 26.000.000 đồng.

+ Ủng hộ làm đường dân sinh, xây dựng nhà tình nghĩa, số tiền: 11.000.000 đồng.

+ Ủng hộ cho nạn nhân chất độc màu da cam, số tiền: 8.000.000 đồng.

+ Ủng hộ gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn, số tiền: 43.500.000 đồng.

3.4.4. Xây dựng môi trường, điều kiện làm việc sinh hoạt cho người lao động

+ Quan tâm, chăm lo cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người lao động. Đặc biệt trong năm 2019 được sự cho phép của Tập đoàn TKV Công ty đã hợp tác với Cơ khí (Narime) đầu tư Hệ thống xử lý khí thải công nghệ mới hiện đại tại các phân xưởng cơ khí đưa vào hoạt động phục vụ sản xuất từ tháng 7/2019 đất hiệu quả cao.

+ Trang bị bạt chống nóng cho công nhân làm việc ngoài trời; nấu chè, nước uống phục vụ công nhân những ngày hè nắng nóng.

+ Duy trì tốt khu liên hợp phục vụ tắm giặt; nhà hoạt động thể thao; Đầu tư cải tạo xây dựng nhà ở công nhân cho các công nhân, các kỹ sư trẻ gia đình ở xa ổn định ăn ở để yên tâm công tác.

3.5. Công tác quản lý vật tư

Sang năm 2019 thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn, Công ty tiếp tục và duy trì các biện pháp tiết giảm chi phí vật tư như: Thương thảo với các nhà cung cấp vật tư, phụ tùng để được hưởng các điều kiện ưu đãi về giá mua; Thời hạn chậm thanh toán; Dịch vụ kỹ thuật miễn phí, v.v…, rà soát ban hành các định mức cho các sản phẩm mới và điều chỉnh ban hành lại một số định mức vật tư đã ban hành trước đó cho phù hợp khi Công ty đã đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, thay đổi công nghệ sản xuất.

Đặc biệt Công ty đã cùng các đơn vị có thiết bị sửa chữa tăng cường sử dụng hàng do Công ty chế tạo thay thế hàng nhập khẩu với chất lượng đảm bảo, giá cả thấp hơn nhiều lần so với vật tư phụ tùng chính hãng để giảm giá thành sửa chữa.

Công ty đã rất chú trọng công tác mua sắm, quản lý hàng tồn kho hạn chế thấp nhất việc dự trữ vật tư. Đối với phụ tùng thay thế Công ty không mua dự phòng mà sử dụng đến đâu mua đến đó. Đối với nguyên nhiên vật liệu hàng tháng, quý căn cứ kế hoạch SXKD trên cơ sở định mức vật tư và khối lượng vật tư cần thiết cho từng sản phẩm, công trình Công ty cho lập đơn hàng, ký kết hợp đồng dài hạn làm cơ sở mua sắm (Nhu cầu đến đâu mới cho mua nhập kho sử dung đến đó). Cụ thể:

+ Tồn kho (nguyên vật liệu, công cụ) đầu kỳ 1/1/2019: 1.852,9 triệu đồng
+ Nhập trong kỳ: 309.232,8 triệu đồng
+ Xuất trong kỳ: 309.549,7 triệu đồng
+ Tồn cuối kỳ (Nguyên vật liệu, công cụ) : 1.535,9 triệu đồng

+ Tỷ lệ tồn kho cuối kỳ đến 31/12/2019: Tổng số giá trị nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ là: 309.549,7 triệu đồng, Giá trị nguyên vật liệu, công cụ tồn kho là: 1.535,9 triệu đồng, tỷ lệ tồn kho là: 0,5 %. Chi tiết tồn kho đến 31/12/2019 như sau:

Đơn vị tính: Tr. Đồng

Chỉ tiêu	Cuối kỳ 31/12/2019	Đầu kỳ 01/01/2019	So sánh	
			Giá trị	Hệ số (%)
A	1	2	3 = 1 - 2	4 = 3/2
1. Hàng mua đang đi đường			-	
2. Nguyên vật liệu	1.462,0	1.781,5	(319,5)	(17,9)
3. Công cụ dụng cụ	73,9	71,4	2,6	3,6
4. Sản phẩm dở dang	7.350,4	6.298,0	1.052,4	16,7
5. Thành phẩm tồn kho	1.673,4	2.717,7	-1.044,4	-38,4
6. Hàng gửi đi bán	1.370,3	1.048,7	321,6	30,7
Công giá gốc hàng tồn kho	**11.930,0**	**11.917,4**	**12,7**	**0,11**

Hạn mức tồn kho dự trữ cho sản xuất thường xuyên của Công ty tương đối thấp, luôn duy trì dưới hạn mức mức cho phép theo yêu cầu của Tập đoàn TKV.

Để gia tăng các sản phẩm chiến lược, hiện tại Công ty đang tiếp tục liên kết với các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn TKV để hợp tác sản xuất chế tạo bổ sung một số sản phẩm chủ lực cho Công ty đáp ứng nhu cầu của ngành thay thế hàng hóa nhập khẩu.

Công ty thường xuyên cải tiến công nghệ sản xuất, sử dụng vật liệu phù hợp nhằm để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm; sản xuất, sửa chữa đảm bảo tiến độ, giá cả cạnh tranh, làm tốt dịch vụ sau bán hàng, bảo hành sản phẩm.

Đổi mới khâu chuẩn bị vật tư cho sản xuất để việc mua sắm vật tư đảm bảo đúng, đủ, kịp thời, cạnh tranh, nguồn cung cấp ổn định, nhà cung cấp có năng lực, tuân thủ quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty, tuân thủ pháp luật. Vật tư đầu vào phải kiểm soát chặt chẽ đảm bảo chất lượng trước khi nhập kho.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý. Đặc biệt ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thiết kế; công tác quản lý tài chính kế toán và quản lý vật tư. Theo đó, Công ty đã ký kết hợp đồng với công ty cổ phần giải pháp phần mềm trong việc xây dựng, áp dụng đưa phần phềm quản lý vào hoạt động; bao gồm việc đầu tư và cải tiến hoàn thiện các phần mềm quản lý đã có đang áp dụng như:

+ Đầu tư mới phần mềm theo dõi chi phí vật tư sửa chữa ô tô, tính lỗ lãi cho từng xe, thiết bị sửa chữa (Từ khi thiết bị, xe máy vào sửa chữa, TĐT đến khi hoàn thiện sản phẩm bàn giao cho Khách hàng).

+ Phần mềm quản lý trong khâu nhập và cấp phát vật tư.

+ Phần mềm quản lý chi phí vật tư được theo dõi chi tiết theo chủng loại, danh điểm vật tư, phân nhóm vật tư theo bộ phận xe phục vụ sản xuất.

+ Xây dựng mới phần mềm quản lý lao động; các định mức nhân công, định mức tiền lương cho người lao động,…

3.6. Công tác quản lý và xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Để kiểm soát chất lượng sản phẩm sửa chữa, trung đại tu và các sản phẩm gia công chế tạo, phục hồi nhằm hạn chế, phòng ngừa và chống các lỗi, sai, hỏng thường lặp lại Công ty là một trong số rất rất ít đơn vị đã sớm đào tạo đội ngũ, đồng thời xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 từ nhiều năm trước và duy trì liên tục được Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng đánh giá cao và đã chuyển đổi sang Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

Xây dựng thành công được viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng xác nhận là đơn vị thực hành tốt 5S ; Chứng nhận đơn vị xây dựng tốt hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 ; Chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2017.

Theo đó, Công ty đã ban hành áp dụng tất cả các quy trình, quy định hướng dẫn, kiểm soát chất lượng trong công tác quản lý; trong khâu sản xuất sửa chữa, trung đại tu thiết bị, xe máy; sản xuất lắp ráp, chế tạo xe ô tô tải nặng và xe ô tô chuyên dùng; Các sản phẩm gia công chế tạo, phục hồi phù hợp với điều kiện quản lý thực tế của Công ty. Thường xuyên kiểm tra, soát xét, bổ sung điều chỉnh các điểm chưa phù hợp để đưa ra biện pháp cải tiến khắc phục phòng ngừa kịp thời.

Ngoài ra, Công ty còn xây dựng ban hành áp dụng nhiều quy trình, quy định khác trong công tác tổ chức, phân công nhiệm vụ Ban điều hành, các phòng ban, phân xưởng sản xuất; Các quy định về công tác quản lý theo quy định của Tập đoàn TKV.

3.7. Công tác Kế toán - Thống kê - Tài chính

Luôn thực hiện nghiêm túc các khoản thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước, luôn tuân thủ và không để nợ đọng đối với Nhà nước. Tính đến hết ngày 31/12/2019 số tiền thuế phải nộp cho Ngân sách Nhà nước là 4.881 triệu đồng.

Công ty hiện đang sử dụng phần mềm kế toán, phân mềm tiền lương và phần mềm vật tư của Công ty Giải pháp phần mềm thương mại Esoft, việc in sổ sách, chứng từ nhanh chóng, hiệu quả và chính xác cao. Ngoài ra, được sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty trong năm phòng KTTC phối hợp với Công ty phần mềm Esoft có thể viết phiếu xuất tự động thông qua các lệnh sản xuất đã có định mức (đối với hàng chế tạo phục hồi), tự in phiếu nhập kho thông qua hợp đồng kinh tế, ngoài ra có thể rà soát hàng nhập xuất của các xe thông qua

quyết toán. Thông qua phần mềm phòng tăng được độ chính xác trong công việc và tiết kiệm nhân lực.

Công ty đang áp dụng chế độ báo cáo thống kê theo Quyết định số : 1061/QĐ - VINACOMIN ngày 09/52012 của Tập đoàn TKV. Số liệu báo cáo nhanh chính xác, kịp thời. Tiết kiệm chi phí (chi phí điện thoại, chi phí đi lại, in văn bản, v.v....)

3.7.1. Tình hình tài chính tóm tắt tại thời điểm ngày 31/12/2019

a. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Ghi chú
A	B	C	1	2	3
A	**Tài sản ngắn hạn**	**100**	**128.291**	**118.196**	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3.228	1.790	
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	112.655	104.442	
4	Hàng tồn kho	140	11.930	11.917	
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	478	47	
B	**Tài sản dài hạn**	**200**	**43.466**	**31.663**	
1	Các khoản phải thu dài hạn	210			
2	Tài sản cố định	220	42.067	31.276	
	Tài sản cố định hữu hình	221	*42.067*	*31.276*	
	Tài sản cố định thuê T.chính	224			
	Tài sản cố định vô hình	227			
3	Bất động sản đầu tư	230			
4	Tài sản dở dang dài hạn	240	1.399	77	
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250			
6	Tài sản dài hạn khác	260		310	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270 = 100+200)	**270**	**171.757**	**149.859**	
C	**Nợ phải trả**	**300**	**132.491**	**111.180**	
1	Nợ ngắn hạn	310	131.225	109.170	
2	Nợ dài hạn (Quỹ đầu tư phát triển)	330	1.266	2.010	
D	**Vốn chủ sở hữu**	**400**	**39.266**	**38.679**	
1	Vốn chủ sở hữu	410	34.719	34.657	
	Vốn góp của chủ sở hữu	411	27.000	27.000	
	Vốn khác của chủ sở hữu	414		733	
	Quỹ đầu tư phát triển	418	3.392	2.659	
	Quỹ hỗ trợ sắp xếp D.nghiệp	419	0	0	
	Quỹ khác thuộc VCSH	420			
	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	421	4.327	4.265	
-	LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421b		*4.265*	
-	LNST chưa PP kỳ này	421b	4.327		
	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	
2	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**	4.547	4.022	
2.1	Nguồn kinh phí	431	*4.547*	*4.022*	
2.2	Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432	*0*	*0*	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**	**171.757**	**149.859**	

b. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**404.310**	**348.257**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**	**404.310**	**348.257**
4	Giá vốn hàng bán	11	369.270	318.544
5	**LN gộp về bán hàng và CCDV**	**20**	**35.040**	**29.713**
6	Doanh thu thuần hoạt động TC	21	9	7
7	Chi phí tài chính	22	499	410
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	499	410
8	Chi phí bán hàng	24	5.196	3.810
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23.650	20.349
10	**Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD**	**30**	**5.704**	**5.151**
11	Thu nhập khác	31	152	370
12	Chi phí khác	32	318	129
13	**Lợi nhuận khác**	**40**	**(166)**	**241**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**5.538**	**5.392**
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.211	1.127
17	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**	**4.327**	**4.265**
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.603	1.580

c. Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính thời điểm ngày 31/12/2019:

TT	CHỈ TIÊU	Tại ngày (31/12/2019) (Tr.đồng)	Tại ngày (31/12/2018) (Tr.đồng)	Tăng giảm		Năm nay (tỷ lệ %, lần)
				Số tiền	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5 = 3 - 4	6=5/4x100	7
1	Khả năng thanh toán					
1.1	Hệ số thanh toán hiện hành (TTS/TNPT) (lần)	171.757	149.859	21.898	14,61	1,30
		132.490	111.180	21.310	19,17	
1.2	Hệ số thanh toán nợ đến hạn (TSNH/NNH) (lần)	128.292	118.196	10.096	8,54	0,98
		131.225	109.170	22.055	20,20	
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	127.641	106.297	21.344	20,08	3,68
		34.720	34.658	62	0,18	
3	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản					
3.1	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn (TSNH/TTS)(%)	128.292	118.196	10.096	8,54	74,69
		171.757	149.859	21.898	14,61	
3.2	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn (TSDH/TTS) (%)	43.465	31.663	11.802	37,27	25,31
		171.757	149.859	21.898	14,61	
4	Hệ số về khả năng sinh lời					
4.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	4.327	4.265			14,24
		30.392	30.392	0	0,00	

TT	CHỈ TIÊU	Tại ngày (31/12/2019) (Tr.đồng)	Tại ngày (31/12/2018) (Tr.đồng)	Tăng giảm		Năm nay (tỷ lệ %, lần)
				Số tiền	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5 = 3 - 4	6=5/4x100	7
	(ROE)(%)					
4.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/	4.327	4.265			2,52
	Tổng tài sản (ROA) (%)	171.757	149.859	21.898	14,61	

3.7.2. Hiệu quả sử dụng vốn và tình hình bảo toàn vốn tại Công ty

- Lợi nhuận trước thuế đạt : 5.538/5.250 triệu đồng, bằng 105,49 % so với NQ ĐHĐCĐ;
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) là: 14,24 % (4.327/30.392 triệu đồng).
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 2,52 % (4.327/171.757 triệu đồng.
- Năm 2019, nhìn vào bảng số liệu trên: Cơ cấu tài sản dài hạn chiếm 25,31 % tổng giá trị tài sản và cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm 74,69 % tổng giá trị tài sản. Công ty đầu tư tài sản cố định trong năm là: 19.325 triệu đồng bằng nguồn vốn khấu hao, vốn khác, không tăng vốn chủ. Như vậy ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty, nên hệ số thanh toán nợ đến hạn là: 0,98 %, trong Nợ ngắn hạn có nguồn dự phòng bảo hành sản phẩm từ 7 đến 10 tỷ đồng/năm nhàn rỗi, ít chi, nên thực tế khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty vẫn đảm bảo.

3.8. Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật – định mức

3.8.1. Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật

Năm 2019 Công ty có 38 sáng kiến cải tiến kỹ thuật và giải pháp quan trọng với giá trị làm lợi 2,368 tỷ đồng, với số tiền thưởng 69.500.000 đồng góp phần làm tăng hiệu quả SXKD chung toàn Công ty.

Ngoài ra, Công ty đã có nhiều đề tài được Tập đoàn TKV công nhận như:

+ Đề tài: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo trục và bích các đăng khớp nối bộ giảm chấn xe ô tô KOMATSU HD 465-7 phục vụ các mỏ khai thác than lộ thiên.

+ Đề tài khoa học công nghệ: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo aptomat và khởi động từ điện phòng nổ phục vụ trong khai thác than hầm lò.

+ Đề tài: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống xử lý khí thải độc hại khu vực mạ của Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin.

+ Đề tài KHCN cấp TKV đang thực hiện: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo xy lanh thủy lực điều khiển tay gầu máy xúc PC1250SP phục vụ cho các mỏ khai thác than lộ thiên;

+ Đề tài: Nghiên cứu thiết kế chế tạo nội địa hóa thiết bị máy khoan neo nóc, neo hông sử dụng năng lượng khí nén cho các mỏ thuộc TKV;

+ Đề tài: Nghiên cứu, thiết kế cải tạo hệ thống thông gió điều hòa không khí nhà xưởng tập trung của TKV.

+ Dự án thực nghiệm cấp Bộ Công thương như: Dự án Hoàn thiện thiết kế, công nghệ và chế tạo giá thủy lực di động liên kết xích dùng trong mỏ than hầm lò.

Và rất nhiều các giải pháp và các sáng kiến khác như:

+ Thiết kế, chế tạo hoàn chỉnh hệ thống dây chuyền xử lý phế thải từ xây dựng, với tổng giá trị làm lợi khoảng 612.000.000 đồng.

+ Thiết kế, hoàn thiện bản vẽ chế tạo Xi lanh áp lực chính máy khoan xoay cầu СБШ-250, với tổng giá trị làm lợi khoảng 120.000.000 đồng.

3.8.2. Công tác định mức

+ Về định mức lao động: Đáp ứng kịp thời làm cơ sở lập dự toán, quyết toán các loại sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

+ Về định mức vật tư: Tiếp tục rà soát kiểm tra, xây dựng và ban hành lại một số định mức tiêu hao vật tư không còn phù hợp với công nghệ sản xuất hiện tại nhằm tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm sản xuất gia công chế tạo, phục hồi.

3.9. Công tác Cơ điện

3.9.1. Quản lý năng lượng

+ Đảm bảo hệ thống thiết bị năng lượng hoạt động tốt, phục vụ kịp thời cho sản xuất, Điện năng tiêu thụ bình quân 144.700 kWh/tháng, cosφ trung bình 0,92. Thí nghiệm định kỳ trạm điện theo đúng quy định. Đo tiếp địa đầy đủ đảm bảo an toàn ở 402 điểm đo toàn Công ty. Về thực hiện tiết kiệm năng lượng thay thế các đèn chiếu sáng công suất lớn bằng đèn LED; loại bỏ quạt công nghiệp cục bộ công suất lớn thay bằng quạt trần sải cánh lớn điều khiển biến tần, hạn chế các thiết bị có công suất lớn vào giờ cao điểm, loại bỏ dần một số thiết bị cũ, lạc hậu tiêu tốn nhiều năng lượng, hiệu suất thấp …

+ Hệ thống cấp nước đã loại bỏ hoàn toàn các đường ống cũ hỏng gây thất thoát nước và thay thế các đường ống mới đến các khu sản xuất theo đúng nhu cầu thực tế. Tận dụng tối đa nước mưa cho hệ thống rửa xe và phục vụ sản xuất, mức tiêu thụ nước cho sản xuất trung bình 670 m^3/tháng, giảm 5% so với năm 2018.

+ Sử dụng máy nén khí cục bộ phù hợp với nhu cầu của từng đơn vị, chủ động không ảnh hưởng đến hoạt động chung và có thể tiết giảm từng máy khi không cần thiết dùng.

3.9.2. Công tác quản lí thiết bị công nghệ

+ Tổ chức sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất không để ảnh hưởng lớn đến tiến độ sản xuất, quản lý thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đảm bảo 100% các thiết bị đang sử dụng kiểm định an toàn theo đúng quy định của Nhà nước.

+ Triển khai các hạng mục cải tiến môi trường sản xuất theo tư vấn của chuyên gia Nhật. Cùng với Phòng KTCN và các đơn vị, phân xưởng triển khai thực hiện 5S, sắp xếp bố trí sản xuất theo tiêu chuẩn JIS Nhật bản. Thực hiện di chuyển lắp đặt lại và sơn mới 22 thiết bị phù hợp với yêu cầu sản xuất của từng công đoạn gia công,

+ Tiếp tục phân loại, tháo dỡ loại bỏ 26 thiết bị cũ, hư hỏng nặng, lạc hậu kỹ thuật niêm cất để thanh xử lý. Bố trí lắp đặt lại các thiết bị, quy hoạch lại mặt bằng sản xuất các khu vực theo yêu cầu công nghệ, đổi mới áp dụng KHCN, tự động hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất.

+ Thực hiện công tác lắp đặt đưa thiết bị lò tôi cao tần CNC, máy mài CNC, máy tiện CNC cấp phôi tự động, lò nung phôi trung tần mới đầu tư vào sử dụng phục vụ sản xuất đạt hiệu quả cao. Phối hợp với đối tác lắp đặt thêm 03 máy phay giường tăng năng lực gia công chế tạo các mặt hàng có kích thước trọng lượng lớn cho các bạn hàng ngoài TKV.

+ Phối hợp phòng KTCN thực hiện đề tài nhiệm vụ khoa học: Thực hiện lắp đặt xong sản phẩm thuộc đề tài Thiết kế chế tạo Hệ thống xử lý khí thải độc khu vực mạ. Triển khai thực hiện đề tài thông gió làm mát không khí môi trường xưởng hàn PX Cơ khí và chuẩn bị cho các đề tài năm 2020.

+ Thực hiện kiểm định trạm kiểm tra xe lắp ráp. Tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa lại các thiết bị cơ bản hiện có trong dây chuyền lắp ráp xe Kamaz phục vụ lắp ráp 03 xe mẫu cho Bộ Quốc phòng.

3.10. Công tác Đầu tư XDCB

Giá trị Kế hoạch ĐTXD năm 2019 (điều chỉnh) : 5.448 triệu

Trong đó:

+ Kế hoạch thực hiện năm 2019 : 5.448 triệu

+ Dự phòng: : 0,0

+ Theo cơ cấu vốn:

- Xây dựng: : 1.200 triệu
- Thiết bị: : 4.018 triệu
- Chi phí tư vấn và khác: : 230 triệu

Công ty đã thực hiện hết 04 công trình Tập đoàn TKV điều chỉnh thực hiện chỉnh tại văn bản số: 5305/TKV- ĐT ngày 22/10/2019. Giá trị đầu tư thực hiện năm 2019 sau khi đàm phán thương thảo, ký hợp đồng là: 4.688,0 triệu đồng, so với kế hoạch tập đoàn giao đạt 4.688/5.448= 86,04 % kế hoạch năm.

Tình hình thực hiện từng dự án, mục tiêu, khối lượng xây dựng, mua sắm thiết bị các công trình:

+ Công trình chuyển tiếp theo kế hoạch đầu tư xây dựng điều chỉnh tại văn bản số: 5305/TKV- ĐT ngày 22/10/2019 có giá trị là 1.800 gồm 01 hạng mục là: Đầu tư Lò nung phôi trung tần kích thước nung phôi từ 200-250 mm, số lượng 02 cái. Công ty đã tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật đấu thâu, theo quy chế quản lý đầu tư của TKV, tổ chức đàm phán và kí hợp đồng với nhà thầu trúng thầu với giá trị là 1.788 triệu đồng, tổ chức nghiệm thu và đưa thiết bị vào hoạt động phục vụ sản xuất trong năm 2019.

+ Công trình: Đầu tư xây dựng đường thử xe ô tô – Công ty Cổ phần công nghiệp ô tô – Vinacomin theo quy định của Nghị định số: 116/2017/NĐ-CP.

- Giá trị thực hiện của phần việc tư vấn thiết kế, khảo sát địa hình là 86,0 triệu đồng

- Về phần công việc thi công xây lắp: Công ty đã triển khai các bước đấu thầu và tổ chức đấu thầu phần thi công xây lắp theo đúng quy định quy định của pháp luật đấu thầu, theo quy chế quản lý đầu tư của Tổ chức đàm phán và ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu với giá trị là 861,0 triệu đồng. đã nghiệm thu và đưa hệ thống vào hoạt động phục vụ sản xuất đảm bảo chất lượng, tiến độ.

+ Công trình khởi công mới: Hạng mục đầu tư cho công tác kiểm tra chất lượng là 01 máy đo độ nhám và biên dạng phức hợp. Công ty đã triển khai nghiên cứu, tham khảo tư vấn và tổ chức thực hiện gói thầu. Giá trị là 1.174,0 triệu đồng. Hiện thiết bị hoàn thiện chuyển giao phục vụ tích cực cho sản xuất trong năm 2019.

3.11. Công tác khoán, quản trị và các khoản chi phí khác

Là đơn vị Cơ khí ngành nghề chủ yếu là sửa chữa trung đại tu xe ô tô vận tải, thiết bị khai thác mỏ là chính, với các chủng loại sản phẩm đa dạng và sản xuất tập trung; Vì vậy Công ty xác định hình thức quản lý chủ yếu là:

+ Công ty quản lý tập trung một mối bằng các định mức và kế hoạch đối với vật tư, phụ tùng, nhiên liệu, động lực và các chi phí khác. Xác định và phân tích hiệu quả SXKD cho từng đầu sản phẩm, công trình kết hợp với xác định hiệu quả kinh doanh chung hàng tháng trong toàn Công ty.

+ Về tiền lương, Công ty áp dụng phương pháp giao khoán tiền lương cho các đơn vị trực tiếp sản xuất theo từng chi tiết, từng đầu sản phẩm, công trình. Tiền lương của người lao động phục vụ, phụ trợ được gắn với kết quả SXKD chung của Công ty. Tiền lương của khối quản lý gián tiếp được áp dụng trả theo từng vị trí công tác của từng phòng ban.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên duy trì rà soát, điều chỉnh lại các định mức tiêu hao vật tư vào quá trình sản xuất, định mức nhân công. Công ty đã có nhiều biện pháp để tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, chi phí khác, nâng cao hiệu quả kinh doanh; điển hình như sắp xếp lại tổ chức sản xuất, bố trí lao động hợp lý, tăng cường chế tạo, phục hồi phụ tùng thay thế, giảm định mức vật tư chế tạo một số loại sản phẩm, v.v...

Công tác tổng hợp, phân tích số liệu về các chi phí đã được duy trì thực hiện tốt, phát huy được hiệu quả, giúp cho việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty có kết quả tốt hơn. Hàng tháng tổng hợp phân tích số liệu báo cáo các chi phí, phát hiện các sai lệch trong quá trình kinh doanh để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Công ty đã triển khai nhiều giải pháp về quản trị chi phí, triệt để thực hành tiết kiệm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng cường quản lý kỹ thuật, quản lý lao động tiền lương, tài chính, v.v...

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá năng lực các nhà cung cấp để đảm bảo ổn định chất lượng vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa thiết bị, hạn chế thấp nhất chi phí bảo hành.

Về triển khai thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số: 20/NQ-ĐU ngày 10/4/2017 của Đảng ủy Tập đoàn; Chỉ thị số: 123/CT-TKV ngày 13/6/2017 của Tổng Giám đốc Tập đoàn về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2017-2020, Công ty đã xây dựng các giải pháp tổ chức thực hiện và đã đạt được nhiều kết quả.

3.12. Công tác Bảo vệ - Quân sự - Thanh tra

Trong năm 2019 công tác Bảo vệ An ninh chính trị nội bộ được giữ vững đảm bảo cho sự hoạt động ổn định của Công ty. Không để xảy ra tình trạng gây mất đoàn kết, chia rẽ nội bộ. Không để xảy ra hiện tượng thất thoát tài sản của Công ty.

Xây dựng và thực hiện các phương án bảo vệ tài sản vào các dịp nghỉ lễ, tết đạt kết quả tốt.

Tham gia đầy đủ hoạt động Cụm địa bàn an toàn phường, cụm thi đua quyết thắng, duy trì tốt và hài hòa mối quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trên địa bàn.

Thực hiện đầy đủ các hoạt động về công tác quân sự, công tác quốc phòng, công tác dân quân tự vệ, công tác hậu phương quân đội; xây dựng lực lượng tự vệ. Không để xảy ra tình trạng đơn thư khiếu nại, khiếu kiện vượt cấp.

4. Đánh giá chung về kết quả hoạt động SXKD năm 2019

Năm 2019 hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty tiếp tục có nhiều đổi mới, được sự hỗ trợ của Tập đoàn, sự cố gắng nỗ lực đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty đã thực hiện được các mục tiêu lớn đề ra; cụ thể:

- Sản xuất đảm bảo an toàn; Việc làm cho người lao động ổn được định; Tiền lương, thu nhập cho người lao động đảm bảo đạt và vượt mức kế hoạch được giao.
- Quản trị kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động ngày càng đi vào nề nếp. Chất lượng sản phẩm ổn định hơn, được khách hàng tin cậy hơn.

Phần thứ hai
CÁC GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

A. Mục tiêu

+ Doanh thu đạt : 300,120 tỷ đồng.
+ Thu nhập bình quân : 9,621 triệu đồng/ng-tháng.
+ Lợi nhuận trước thuế : 5,300 tỷ đồng.
+ Hoàn thành các chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước và Tập đoàn.
+ Tiếp tục duy trì ổn định và phát triển sản xuất.

B. Các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng/ Giá trị	Ghi chú
I	**Các sản phẩm chủ yêu**			
1.1	**Sửa chữa thiết bi, xe máy**			
	Xe ô tô HD các loại	Xe	24	
	Xe ô tô CAT các loại	Xe	19	
	Xe ô tô Volvo, HM các loại	Xe	03	
	Cộng xe Đại xe	**Xe**	**46**	
	Xe ô tô Trung xa, xe cẩu các loại	Xe	29	
	TĐT máy xúc thuỷ lực	Máy	12	
	TĐT máy gạt các loại	Máy	04	
	Sửa chữa cụm các loại	Cụm	50	

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng/ Giá trị	Ghi chú
	Sửa chữa thiết bi, xe máy trạng thái	Tr.đ	17 000	
1.2	**Chế tạo và PH phụ tùng, thiết bị**	**Tấn**	**2 650**	
	Chế tạo phụ tùng; Trong đó:	**Tấn**		
	+ Chế tạo PT, thiết bị bán ngoài	Tấn	2 000	
	+ Chế tạo PT, thiết bị tự dùng	Tấn	450	
	Chế tạo thanh neo lò	**Bộ**	**15 000**	
	Phục hồi phụ tùng	Tấn	850	
	Lắp ráp xe tải nặng	Xe	03	
II	**Doanh thu**	**Tr.đ**	**300 120**	
1	Doanh thu sản xuất cơ khí	Tr.đ	292 120	
2	Doanh thu khác	Tr.đ	8 000	
III	**Giá trị sản xuất**	**Tr.đ**	**292 520**	
IV	**Tổng chi phí sản xuất trong kỳ**	**Tr.đ**	**294 820**	
IV.1	**Chi phí trung gian**	**Tr.đ**	**240 287**	
IV.2	**Giá trị gia tăng**	**Tr.đ**	**54 533**	
1	Tiền lương bình quân	Tr.đ	40 936	
	Trong đó: Quỹ lương VCQL (05 ng)	Tr.đ	1 626	
2	Bảo hiểm XH, y tế, BHTN, KPCĐ	Tr.đ	5 154	
3	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	7 804	
4	Thuế trong giá thành	Tr.đ	639	
V	**Lợi nhuận**	**Tr.đ**	**5 300**	
	Tỷ lệ LN/VCSH	%	20	
VI	**LĐ, thu nhập, đơn giá tiền lương**			
1	LĐ bình quân teo định mức	Người	362	
2	Tiền lương bình quân toàn DN	10^3đ/ng-th	9 424	
3	Đơn giá tiền lương đ/1000 giá trị SX		134	
	(Không bao gồm lương Người quản lý)			
VII	**Nộp ngân sách (Theo quy định)**			

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch SXKD Công ty đã xây dựng trên, để đảm bảo lo đủ việc làm nhằm ổn định đời sống cho người lao động và thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020, Công ty xây dựng các nhóm giải pháp điều hành cơ bản như sau:

I. NHÓM GIẢI PHÁP CHUẨN BỊ ĐỦ VIỆC LÀM

1. Tăng cường công tác tiếp thị nhận việc làm

Thị trường năm 2020 của Công ty vẫn chủ yếu là phục vụ các đơn vị sản xuất khai thác Than, Khoáng sản trong Tập đoàn TKV; Đó là tập trung sửa chữa các loại xe tải nặng và chế tạo, phục hồi một số phụ tùng ô tô, thiết bị cho các mỏ lộ thiên và hầm lò. Số lượng xe đại xa sửa chữa theo hướng dẫn của Tập đoàn năm 2020 sẽ tiếp tục cạnh tranh theo cơ chế

đấu thầu theo văn bản số: 3036/TKV-CV ngày 14/6/2016 về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ chào hàng cạnh tranh sửa chữa TSCĐ là thiết bị trong nội bộ TKV.

Vì vậy, ngoài các sản phẩm trên cơ sở được ghi trong hướng dẫn của Tập đoàn thì trong năm 2020 Công ty sẽ cần chủ động và tiếp tục cùng với các đối tác mở mang thêm các sản phẩm phục vụ sản xuất hầm lò, vận tải đất đá phục vụ khai thác mỏ lộ thiên, tìm kiếm thêm các công trình sản phẩm mới, thị trường mới, việc làm ngoài Tập đoàn TKV giao. Trong đó đặc biệt chú trọng chế tạo các sản phẩm phục vụ chương trình Cơ giới hóa khai thác hầm lò của TKV cũng như tăng cường công tác tham gia sửa chữa cho các đơn vị tại các khai trường.

Ngoài ra phải tăng cường mở rộng, khai thác hợp tác nhận thêm thị trường việc làm ngoài Tập đoàn TKV, trong đó:

+ Tăng tỷ trọng doanh thu, sản lượng hàng hóa gia công chế tạo và phục hồi. Mở rộng tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm mới, sản phẩm dịch vụ ngoài ngành.

+ Thiết kế, chế tạo chi tiết, cụm chi tiết cho các nhà máy Nhiệt điện.

+ Tiếp tục duy trì nhận việc làm trong công tác phục vụ sửa chữa thiết bị xe máy thường xuyên tại các khai trường, công trường cho các đơn vị thuộc Tổng Công ty Đông Bắc; Công ty Cảng Cái Lân, Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Quảng Ninh, v.v…

+ Tận dụng cơ hội khi Hãng Kamaz phát triển việc lắp ráp, tiêu thụ xe Kamaz tại Việt Nam và hãng BELAZ đưa xe vào chạy thử nghiệm tại khai trường mỏ trong Tập đoàn TKV để phát triển SXKD của Công ty.

+ Tăng cường sản xuất các loại xe máy chuyên dùng, xe đặc chủng.

+ Lực lượng làm công tác thị trường tiếp tục đổi mới hoạt động, bám sát kế hoạch phối hợp SXKD của Tập đoàn, tăng cường quan hệ tiếp cận khách hàng để nhận việc và tiêu thụ sản phẩm ngay từ đầu năm.

2. Xây dựng cơ chế nhận việc làm và tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu sản phẩm VMIC

Cải tiến cơ chế tìm việc làm và tiêu thụ sản phẩm thông thoáng và hiệu quả. Nắm bắt thường xuyên các thông tin về khách hàng, thông tin về các đối tác cạnh tranh liên quan đến việc tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ của Công ty để có chính sách thị trường phù hợp.

Đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường. Nghiên cứu nhu cầu của thị trường phát triển thêm sản phẩm mới có thể tiêu thụ với số lượng lớn, ổn định.

Tăng cường áp dụng công nghệ, hoàn thiện quy trình sản xuất, kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm chế tạo hướng tới xuất khẩu ra các nước trong khu vực.

II. NHÓM GIẢI PHÁP CHUẨN BỊ SẢN XUẤT, ĐẢM BẢO TIẾN ĐỘ, CHẤT LƯỢNG

1. Công tác chuẩn bị về kỹ thuật công nghệ

Tập trung giải quyết những vướng mắc về công nghệ sửa chữa các loại xe đại xa, các chủng loại xe, máy mới. Tiếp tục xem xét công nghệ phục hồi, chế tạo phụ tùng xe ô tô hiện nay, cải tiến để nâng cao giá trị sản phẩm, giảm chi phí nguyên vật liệu, lao động.

Tiếp tục đầu tư bổ sung thiết bị công nghệ tiên tiến trên cơ sở kế hoạch đầu tư đã được Tập đoàn TKV phê duyệt để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động. Mua sắm đủ các loại thiết bị, dụng cụ, đồ gá phục vụ sản xuất, tổ chức sử dụng đạt hiệu quả.

Triển khai hiệu quả công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển công nghệ kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới theo yêu cầu của thị trường.

2. Công tác chuẩn bị vật tư

Đổi mới khâu chuẩn bị vật tư cho sản xuất để việc mua sắm vật tư đảm bảo đúng, đủ, kịp thời, cạnh tranh, nguồn cung cấp ổn định, nhà cung cấp có năng lực, tuân thủ quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty, tuân thủ pháp luật.

Vật tư đầu vào phải đảm bảo chất lượng: Làm tốt công tác kiểm soát chất lượng vật tư nhập kho Công ty, kiểm soát vật tư đưa vào trong quá trình sản xuất, cũng như kiểm soát tốt hạn mức tồn kho.

3. Công tác chất lượng và bảo hành sản phẩm

Triển khai đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm : Nâng cao chất lượng lao động, chất lượng vật tư phụ tùng; Chuẩn bị tốt kỹ thuật công nghệ, đầu tư trang thiết bị và điều kiện vệ sinh phù hợp, đi đôi với tăng cường quản lý. Tăng cường công tác tự kiểm tra sản phẩm hàng ngày trong quá trình sản xuất của các phân xưởng, kiểm tra hạn chế thấp nhất các lỗi đối với các sản phẩm trước khi xuất xưởng bàn giao cho khách hàng đưa vào sử dụng.

Công tác sửa chữa phải làm chính xác, cẩn thận, việc giám định kỹ thuật tại Công ty và nhanh chóng thống nhất được với đơn vị quản lý sử dụng thiết bị, hạn chế thấp nhất việc sai lỗi và phát sinh.

Khi xảy ra các lỗi vi phạm về chất lượng, phải xem xét tìm ra nguyên nhân, xác định mức độ thiệt hại, quy được trách nhiệm đến cùng, đồng thời phải có hành động khắc phục và xây dựng các biện pháp phòng ngừa để tránh lặp lại.

Đầu tư cho công tác bảo hành sản phẩm phương tiện, con người, vật tư, và biện pháp tổ chức triển khai để thực hiện bảo hành sản phẩm nhanh, có chất lượng hơn.

4. Công tác tổ chức sản xuất và điều hành sản xuất

Tổ chức triển khai một cách toàn diện, đầy đủ mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty; trong một số lĩnh vực phải đầu tư tập trung làm quyết liệt để tạo ra những đột phá thúc đẩy hoạt động SXKD của Công ty.

Tiếp tục rà soát đánh giá hiệu quả về công tác tổ chức, quản lý, phân bổ nguồn lực đối với mọi hoạt động của Công ty.

Đặc biệt quan tâm tốt cho công tác đào tạo, hướng dẫn công việc cho cán bộ, nhân viên và công nhân lao động, trước tiên lựa chọn những việc quan trọng cấp thiết cần làm ngay để đáp ứng yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Tất cả các đơn vị trong Công ty phải đặc biệt quan tâm tới việc hướng dẫn công việc và đào tạo nhân viên, công nhân có ý thức và kỹ năng làm việc tốt để nâng cao năng suất và chất lượng công việc.

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, mọi người có thái độ và ý thức tích cực đối với công việc, đối với khách hàng, có tác phong làm việc chuyên nghiệp.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.

III. NHÓM GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tăng cường quản lý định mức tiêu hao vật tư, lao động

Tiếp tục tập trung rà soát xác định chính xác định mức thời gian lao động, định mức tiêu hao vật tư, vật liệu.

2. Nâng cao hiệu quả sử dụng lao động

Tiếp tục xem xét cải tiến phương thức trả lương, thưởng, các chế độ đãi ngộ; mục tiêu tạo động lực thúc đẩy được những cá nhân tạo ra giá trị cho Công ty, hạn chế và giảm dần những nơi không phù hợp.

3. Tăng cường công tác quản trị chi phí

Công tác quản trị chi phí, chống lãng phí được triển khai thực hiện trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, vì vậy tất cả các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ đều phải quan tâm đến hiệu quả công việc, phát hiện kịp thời những chi phí bất hợp lý.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, áp dụng khoán chi phí cho đơn vị, cá nhân thực hiện các công việc sản xuất, kinh doanh.

Kiểm soát chặt chẽ các thủ tục nhập, xuất hàng hoá, thanh toán, tạm ứng, quản lý công nợ phải thu, phải trả, thu hồi công nợ kịp thời không để phát sinh công nợ quá hạn, khó đòi.

Phát hiện và xử lý kịp thời vật tư không phù hợp (thừa, thiếu, sai, hỏng).

IV. NHÓM GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN, ỔN ĐỊNH ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CHĂM LO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Công tác An toàn – Vệ sinh lao động – PCCN

Thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác An toàn – Vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ. Xây dựng đầy đủ các nội quy, quy định, quy trình, biện pháp đảm

bảo An toàn – vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ. Tổ chức huấn luyện, đào tạo, hướng dẫn đầy đủ; Tăng cường kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở thường xuyên, mọi lúc, mọi nơi, mọi việc, không có cá nhân vi phạm các quy định về công tác này.

Mặt bằng nhà văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, dụng cụ, vật tư luôn được sắp xếp gọn gàng khoa học, vệ sinh sạch sẽ, duy trì thường xuyên nề nếp, đảm bảo an toàn cho người và tài sản. Làm tốt công tác dự báo, dự đoán, phát hiện nguy cơ tiềm ẩn, các rủi ro có thể xảy ra, xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, triệt tiêu sự cố.

Duy trì tốt và thường xuyên công tác vệ sinh môi trường cảnh quan toàn Công ty.

2. Công tác lao động, tiền lương, đời sống

Tiếp tục rà soát bổ sung, sắp xếp lại lực lượng lao động đảm bảo đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Làm tốt công tác định mức lao động, giao khoán tiền lương để đảm bảo việc trả lương công bằng, đúng người, đúng việc tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất. Phấn đấu tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí để tiền lương bình quân theo đầu người của người lao động Công ty trong năm 2019 phấn đấu đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Kiện toàn tổ chức huấn luyện lại lực lượng sơ cấp cứu ban đầu tại Công ty, phối hợp bệnh viên Đa khoa khu vực Cẩm Phả khám duy trì sức khoẻ, điều trị bệnh cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các biện pháp đề phòng dịch bệnh. Đảm bảo bữa ăn giữa ca của CBCNVC đủ định lượng, có chất lượng tốt, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Công tác Bảo vệ - Thanh tra - An ninh trật tự

Tập trung thanh kiểm tra nhằm phát hiện những sai sót để có biện pháp khắc phục phòng ngừa trong các lĩnh vực quan trọng như: Mua bán vật tư, định mức sử dụng và quyết toán vật tư, sử dụng lao động, định mức lao động, tiền lương, các chính sách đối với người lao động.

Thực hiện nghiêm túc việc tiếp cán bộ công nhân viên, lắng nghe và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, phản ánh của CBCNV và người lao động.

Làm tốt công tác bảo vệ tài sản Công ty, không để xảy ra các các biểu hiện tiêu cực làm thất thoát tài sản. Đảm bảo an ninh trật tự trong Công ty và trên địa bàn.

Xây dựng mối quan hệ hài hòa, tốt đẹp giữa Công ty với các lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương và trên địa bàn; Xây dựng lực lượng bảo vệ có thái độ ý thức làm việc tốt, nghiệp vụ tốt; giao tiếp với khách hàng tốt; không để trường hợp lực lượng bảo vệ vi phạm làm thất thoát tài sản của Công ty./.

Nơi nhận:
- Đại biểu TKV
- HĐQT; Ban KS
- Ban Giám Đốc
- Đảng uỷ; CĐ, ĐTN
- Các Cổ đông.
- Lưu KHVT, Thư ký HĐQT

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VINACOMIN

Phạm Xuân Phi

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số: **1162** /BC-KTTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 03 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc: Phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: Các quý vị cổ đông

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước về việc phân phối lợi nhuận:

- Căn cứ vào thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính về việc ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
- Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài Chính

Căn cứ vào Quyết định số 897 ngày 27/2/2020 về việc thành lập ban tổ chức và giao nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công nghiệp Ô tô – Vinacomin năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty; Hội đồng Quản trị đề xuất Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2019 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2019
			SỐ TIỀN
1	**Tổng lợi nhuận**	**đồng**	**5.538.343.412**
2	**Chi phí cộng vào tính thuế TNDN**	**đồng**	**516.979.307**
3	**Lợi nhuận chịu thuế TNDN**	**đồng**	**6.055.322.719**
4	**Thuế thu nhập DN phải nộp** (4 = 4.1)	**đồng**	**1.211.064.544**
4.1	*Thuế thu nhập DN (4.1 =3 x 20%)*	*đồng*	*1.211.064.544*
5	**Lợi nhuận sau thuế** (5 = 1 - 4)	**đồng**	**4.327.278.868**
6	**Lợi nhuận năm trước năm nay phân phối**	**đồng**	
7	**Lợi nhuận còn lại phân phối các quỹ, trả cổ tức**	**đồng**	**4.327.278.868**
7.1	Trả cổ tức (2.700.000 CP x 10.000 x 10%)	*đồng*	2.700.000.000
	- Chi trả cổ tức cho TKV	đồng	972.227.000
	- Chi trả cổ tức cho Kamaz	đồng	1.016.300.000
	- Chi trả cổ tức - Cty TNHH TMQT Tân Đại Tây Dương	đồng	390.434.000
	- Chi trả các cổ đông tự do	*đồng*	321.039.000
7.2	Trích lập các quỹ (7.2 = 7 - 7.1)		1.627.278.868
	- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành (1,5 tháng lương)	đồng	199.000.000
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (còn lại)	đồng	1.428.278.868
	Trong đó:		
	Quỹ phúc lợi	*đồng*	*999.795.208*
	Quỹ khen thưởng	*đồng*	*428.483.660*

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Các cổ đông Công ty;
- Văn phòng
- Đăng thông tin trên Website
- Lưu VT, KTTC.

M.S.D.N:5700353722-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VINACOMIN
TP.CẨM PHẢ - T.QUẢNG NINH

Phạm Xuân Phi

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số: **1606** /BC-HĐQT-TC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO
Chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2019
Đề xuất tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2020

Kính thư: Các Quý vị cổ đông

1. Báo cáo tiền thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019

a. Chi trả tiền thù lao năm 2019

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin ngày 25/4/2019, Công ty đã chi trả thù lao cho các thành viên BKS chuyên trách và kiêm nhiệm năm 2019 như sau:

- Chủ tịch HĐQT 24.300.000 Phụ cấp: 24.300.000 x 20% = 4.860.000 đ/t
- Uỷ viên HĐQT 20.700.000 Phụ cấp: 20.700.000 x 20% = 4.140.000 đ/t
- Trưởng BKS (không tính phụ cấp) 20.700.000 Tiền lương: 20.700.000 đ/tháng (chưa kể phụ cấp khu vực 130.000 đ/ tháng)
- Uỷ viên BKS 20.700.000 Phụ cấp: 20.700.000 x 20% = 4.140.000 đ/t
- Thư ký công ty; Người Quản trị công ty 20.700.000 Phụ cấp: 20.700.000 x 20% = 4.140.000 đ/t

Chi tiết như sau:

a) Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Mức lương làm cơ sở thanh toán	Tỷ lệ TT(%)	Mức thanh toán (đ/tháng)	Số tiền thanh toán
1	Phạm Xuân Phi	CT.HĐQT/GĐ	12	24.300.000	20	4.860.000	58.320.000
3	Trần Văn Trung	UV HĐQT	12	20.700.000	20	4.140.000	49.680.000
4	Hà Minh Thanh	UV.HĐQT	12	20.700.000	20	4.140.000	49.680.000
5	Nguyễn Anh Tuấn	UV HĐQT	12	20.700.000	20	4.140.000	49.680.000
6	Zakharicov Andrey Alexxandrovitch	UV HĐQT	12	20.700.000	20	4.140.000	49.680.000
7	Nguyễn Huy Tâm	Quản trị công ty Thư ký.HĐQT	12	20.700.000	20	4.140.000	49.680.000
	Tổng cộng						**306.720.000**

b) Ban kiểm soát *(Trưởng ban hưởng lương chuyên trách; các Ủy viên Ban Kiểm soát không chuyên trách hưởng phụ cấp)*

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (cả năm)		
			Mức lương và phụ cấp (đồng/tháng)	Số tháng	Tổng số (đồng)

I	**Tiền lương Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách**				**260.400.000**
	Từ 01/1/2019 đến 30/6/2019				
1	Bùi Thị Lan	T.BKS	20.700.000	6	124.200.000
	Từ 07/2019 đến 31/12/2019				
1	Bùi Thị Lan	T.BKS	22.700.000	6	136.200.000
II	**Phụ cấp Ban kiểm soát** (Phụ cấp kiêm nhiệm)				**99.360.000**
1	Hồ Anh Tuấn	UV.BKS	4.140.000	12	49.680.000
2	Trần Thiết Hùng	UV.BKS	4.140.000	12	49.680.000
	Tổng cộng				**359.760.000**

- Quyết toán tiền lương của người quản lý doanh nghiệp quyết toán lương theo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Xếp loại doanh nghiệp theo quy định chế độ của Nhà nước và Quyết định số: 1387/ QĐ-TKV ngày 29/7/2019 .
- Tổng thù HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký công ty và tiền lương TB. Kiểm soát: 666.480.000 đồng.

Trong đó: - Phụ cấp HĐQT, Thư ký: 306.720.000 đồng
- Tiền lương TB kiểm soát chuyên trách: 260.400.000 đồng
- Phụ cấp ban kiểm soát: 99.360.000 đồng

2. Đề xuất mức chi trả thù lao năm 2020:

b. Căn cứ Mục 3, 5; Điều 6, Nghị định số: 53/2016/ NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên HĐQT và BKS; Thực hiện quyết định số: 1387/ QĐ-TKV ngày 29/7/2019 mức chi trả tiền thù lao phụ cấp thành viên Hội đồng quản trị, phụ cấp, tiền lương ban kiểm soát công ty năm 2020 như sau:

TT	Chức danh	Theo QĐ 1387/ QĐ-TKV ngày 29/7/2019	Mức lương, phụ cấp trách nhiệm hàng tháng (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	25.700.000 x 20% = 5.140.000 đ/tháng
2	Uỷ viên HĐQT	21.900.000	21.900.000 x 20% = 4.380.000 đ/tháng
3	Trưởng ban kiểm soát (Hưởng lương chuyên trách không tính phụ cấp)	22.900.000	Tiền lương: 22.900.000 đ/tháng (chưa kể phụ cấp khu vực)
4	Uỷ viên BKS	21.900.000	21.900.000 x 20% = 4.380.000 đ/tháng
5	Thư ký công ty	21.900.000	21.900.000 x 20% = 4.380.000 đ/tháng

Mức tiền thù lao trên được chi trả: Thành viên HĐQT, BKS, thư ký công ty làm công tác kiêm nhiệm; Thành viên chuyên trách TBKS, BKS nhưng kiêm nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Công ty cổ phần Công nghiệp Ôtô – Vinacomin; Mức phụ cấp, lương trên thay đổi tương ứng khi mức lương hàng tháng theo quy định Tập đoàn TKV, pháp luật thay đổi.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- HĐQT,BKS;
- Các cổ đông
- Đăng thông tin trên Website.
- Lưu Văn thư;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5700353720 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VINACOMIN TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH

Phạm Xuân Phi

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIÊP ÔTÔ - VINACOMIN

Số: **1252** /BC-HĐQT – KT-TC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2019

Kính gửi: Quý vị Cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 24 tháng 4 năm 2018. Thực hiện chức trách nhiệm vụ HĐQT giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính trong Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán như sau:

Phần thứ nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2019)	Số đầu năm (01/1/2019)
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**128,291,741,137**	**118,195,995,680**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	VI.1	**3,228,949,172**	**1,789,699,283**
1. Tiền	111		3,228,949,172	1,789,699,283
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**0**	**0**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	VI.2a	0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	VI.2a	0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.2b	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**112,655,294,314**	**104,442,040,736**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a,c	112,696,571,220	103,884,879,060
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	528,829,900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	207,323,094	493,665,326
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	VI.4a	(248,600,000)	(465,333,550)
8. tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5	0	0
IV. Hàng tồn kho	**140**	VI.7	**11,930,032,133**	**11,917,351,377**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2019)	Số đầu năm (01/1/2019)
1. Hàng tồn kho	141		11,930,032,133	11,917,351,377
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**477,465,518**	**46,904,284**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	477,465,518	8,643,996
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	VI.19	0	38,260,288
4. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14a	0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	**200**		**43,465,528,026**	**31,663,500,685**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**0**	**0**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.3bc	0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	VI.4b	0	0
II. Tài sản cố định	**220**		**42,066,769,586**	**31,276,621,327**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	42,066,769,586	31,276,621,327
- Nguyên giá	222		*137,767,497,859*	*118,479,497,144*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		*(95,700,728,273)*	*(87,202,875,817)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.11	0	0
- Nguyên giá	225		*0*	*0*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		*0*	*0*
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	0	0
- Nguyên giá	228		*371,520,000*	*371,520,000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		*(371,520,000)*	*(371,520,000)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	VI.12	**0**	**0**
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	VI.8a	**0**	**76,801,800**
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	76,801,800
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**0**	**0**
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1,398,758,440**	**310,077,558**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	1,398,758,440	310,077,558

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2019)	Số đầu năm (01/1/2019)
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24a	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14b	0	0
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	**270**		**171,757,269,163**	**149,859,496,365**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2019)	Số đầu năm (01/1/2019)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**132,490,545,464**	**111,179,904,837**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**131,224,805,464**	**109,169,726,419**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16acd	97,627,877,661	80,382,158,986
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		377,246,070	135,753,737
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.19	4,501,386,021	274,406,177
4. Phải trả người lao động	314		14,948,960,620	18,346,248,146
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.20	109,712,500	67,260,423
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.22ac	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.21	92,059,138	64,969,250
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15acd	0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23a	9,984,728,869	7,025,937,919
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3,582,834,585	2,872,991,781
13. Quỹ bình ổn giá	323			0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	**330**		**1,265,740,000**	**2,010,178,418**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	VI.16bcd	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.20	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.22bc	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.21	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	VI.17	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	VI.22	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24b	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.23b	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1,265,740,000	2,010,178,418

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2019)	Số đầu năm (01/1/2019)
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**34,719,723,699**	**34,657,591,528**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.25a	27,000,000,000	27,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		*27,000,000,000*	*27,000,000,000*
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		*0*	*0*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	VI.25a	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	VI.25a	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	VI.25a	0	733,418,350
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	VI.25d	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	VI.25a	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	VI.25a	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.25e	3,392,444,831	2,659,026,481
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	VI.25e	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	VI.25e		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.25a	4,327,278,868	4,265,146,697
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		*0*	*4,265,146,697*
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		*4,327,278,868*	*0*
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**4,547,000,000**	**4,022,000,000**
1. Nguồn kinh phí	431	VI.28	4,547,000,000	4,022,000,000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300+400)	**440**		**171,757,269,163**	**149,859,496,365**

Phần thứ hai:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
(Hợp nhất)
Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VII.1	**404.309.808.646**	**348.256.632.884**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung	**10**		**404.309.808.646**	**348.256.632.884**
cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)				
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VII.3	369.270.225.880	318.543.913.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung	**20**		**35.039.582.766**	**29.712.719.071**
cấp dịch vụ (20=10-11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	VII.4	9.610.879	7.388.206
7. Chi phí tài chính	**22**	VII.5	499.277.405	410.049.832
Trong đó: Chi phí lãi vay	***23***		*499.277.405*	*410.049.832*
8. Chi phí bán hàng	**25**	VII.8a	5.196.474.205	3.809.688.419
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**26**	VII.8b	23.649.679.454	20.349.059.252
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	**30**		**5.703.762.581**	**5.151.309.774**
doanh (30=20+(21-22)-(24+25))				
11. Thu nhập khác	**31**	VII.6	152.659.220	370.229.654
12. Chi phí khác	**32**	VII.7	318.078.389	128.684.180
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**-165.419.169**	**241.545.474**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**5.538.343.412**	**5.392.855.248**
(50=30+40)				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	VII.10	1.211.064.544	1.127.708.551
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**	VII.11	**4.327.278.868**	**4.265.146.697**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**		1.603	1.580
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**71**			

Xin Báo cáo Quý vị cổ đông./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;
- Văn thư
- Đăng thông tin trên Website
- Lưu VT

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VINACOMIN

Phạm Xuân Phi

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNGTY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số: 1133 /BC-VMIC-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô – vinacomin.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty kiểm toán PKF Việt Nam theo báo cáo số: 13/2020/BCKT-PKF.NHN ngày 11 tháng 03 năm 2020 của Công ty kiểm toán PKF Việt Nam kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô – vinacomin.

Căn cứ kết quả thẩm định Báo cáo tài chính do Ban kiểm soát Công ty thực hiện.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô – vinacomin như sau:

1. Công tác hạch toán kế toán: Số liệu và hạch toán kế toán trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 về cơ bản phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành cũng như các Quy định của pháp luật, Nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

2. Về số liệu báo cáo tài chính năm 2019: Ban kiểm soát Công ty thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2019 Công ty lập và đã được Công ty kiểm toán PKF Việt Nam kiểm toán tại báo cáo số: 13/2020/BCKT-PKF.NHN ngày 11 tháng 3 năm 2020.

3. Thẩm định kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2019.

Một số chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ năm 2019	KH ĐC số 6329/ TKV-KH (23/12/2019)	T.Hiện Quý IV năm 2019	Lũy kế TH năm 2019	So sánh (%)		
							TH Quý/ KH năm	Lũy kế TH/ NQ ĐHCĐ	Lũy kế TH /KHĐC 6329
A	B	C	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/1	7 = 4/2
I	**Tổng doanh thu**	Tr.đồng	**293.000**	**345.000**	**160.778**	**404.472**	**54,87**	**138,05**	**117,24**
II	**Tổng chi phí**	Tr.đồng	**287.750**	**287.750**	**159.289**	**398.934**			
III	**Lợi nhuận**	Tr.đồng	**5.250**	**5.300**	**1.489**	**5.538**	**28,36**	**105,49**	**104,49**
IV	**Lao động và tiền lương**								
1	Lao động định mức	Người	372	372	368	368	98,92	98,92	98,92
	(Gồm: LĐHĐ có thời hạn ,LĐMV)								
2	Tổng Quỹ lương	Tr.đồng	37.228	45.100,4	15.565	50.002	41,81	134,31	110,87
	Trong đó: Lương Người QL	Tr.đồng	*1.524*	*1.524*		*1.592*	*0,00*	*104,46*	*104,46*
3	Tiền lương bình quân tháng	1000đ/ ng/th	8.339	10.213	14.099	11.323	169,07	135,78	110,87

Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019

- Tài sản ngắn hạn: 128.291.741.137 đồng
- Tài sản dài hạn: 43.465.528.026 đồng
- **Tổng tài sản: 171.757.269.163 đồng**
- Nợ phải trả: 132.490.545.464 đồng
- Nguồn vốn chủ sở hữu: 39.266.723.699 đồng
- *Trong đó:* Vốn chủ sở hữu: 34.719.723.699 đồng
- **Tổng nguồn vốn: 171.757.269.163đồng**
- **Lợi nhuận sau thuế: 4.327.278.868 đồng**

Một số chỉ tiêu đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	Tại ngày (31/12/2019) (Tr.đồng)	Tại ngày (31/12/2018) (Tr.đồng)	Tăng giảm		Năm nay (tỷ lệ %, lần)
				Số tiền	Tỷ lệ %	
1	*2*	*3*	*4*	*5 = 3 - 4*	*6=5/4x100*	*7*
1	Khả năng thanh toán					
1.1	*Hệ số thanh toán hiện hành (TTS/TNPT) (lần)*	171.757	149.859	21.898	14,61	1,30
		132.490	111.180	21.310	19,17	
1.2	*Hệ số thanh toán nợ đến hạn (TSNH/NNH) (lần)*	128.292	118.196	10.096	8,54	0,98
		131.225	109.170	22.055	20,20	
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	127.641	106.297	21.344	20,08	3,68
		34.720	34.658	62	0,18	
3	Hệ số phản ảnh cơ cấu tài sản					
3.1	*Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn (TSNH/TTS)(%)*	128.292	118.196	10.096	8,54	74,69
		171.757	149.859	21.898	14,61	
3.2	*Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn (TSDH/TTS) (%)*	43.465	31.663	11.802	37,27	25,31
		171.757	149.859	21.898	14,61	
4	Hệ số về khả năng sinh lời					
4.1	*Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ (ROE)(%)*	4.327	4.265			14,24
		30.392	30.392	0	0,00	
4.2	*Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA) (%)*	4.327	4.265			2,52
		171.757	149.859	21.898	14,61	

4. Kết luận:

- Số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam đã phản ánh đúng kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty tại thời điểm 31/12/2019.
- Kết luận tình hình tài chính của Công ty là: An toàn về tài chính.

Trên đây là kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô – Vninacomin.

Kính trình Đại hội thảo luận thông qua./.

Nơi nhận:
- Cổ đông
- Ban KSNB
- HĐQT; BKS; BGĐ
- Lưu: VT, BKS; Hồ sơ ĐHCĐ

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Bùi Thị Lan

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNGTY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số: 1135 /BC-VMIC-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH NĂM 2019

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô – vinacomin.

Ban kiểm soát Công ty hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát, thực hiện việc giám sát hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc điều hành năm 2019 như sau:

1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Năm 2019, Công ty thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh theo tại Thông báo số 6736/TKV-KH ngày 24/12/2018 của Tập đoàn TKV, Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Kế hoạch điều chỉnh số 6329/TKV-KH ngày 23/12/2019. Hội đồng quản trị Công ty chủ động phân tích đánh giá tình hình, triển khai phương hướng nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 và Kế hoạch phối hợp kinh doanh của Tập đoàn.

- Ngay từ đầu năm Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các lĩnh vực về: Quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tiễn, đẩy mạnh chỉ đạo công tác khai thác mở mang thị trường, các loại sản phẩm mới , chất lượng, tiến độ, quản trị chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của thương hiệu VMIC mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty và các cổ đông.

- Trong năm, Hội đồng quản trị đã họp 08 phiên và ban hành 08 nghị quyết với các nội dung chủ yếu tập trung vào công tác quản lý, điều hành kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các kỳ họp của Hội đồng quản trị đảm bảo đúng quy định, đúng trình tự, nguyên tắc, nội dung bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc triển khai thực hiện.

2. Về hoạt động của Ban lãnh đạo điều hành

- Ban Giám đốc Công ty đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ pháp luật Nhà nước, các quy định tại Điều lệ Công ty, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Giám đốc Công ty đã xây dựng giải pháp thực hiện mục tiêu phối hợp kinh doanh năm 2019 ban hành theo Quyết định số 121/QĐ-VMIC-KHVT ngày 09/01/2019, để chỉ đạo và quyết tâm điều hành theo phối hợp kinh doanh số 6736/TKV-KH ngày 24/12/2018 của Tập đoàn TKV.

- Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn trong điều hành Công ty theo Điều lệ quy định. Năm 2019, thị trường của Công ty vẫn chủ yếu là các đơn vị khai thác than trong Tập đoàn. Ngay từ đầu năm, các đơn vị tham gia phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn đã đưa thiết bị, xe máy vào sửa chữa theo phối hợp kinh doanh và thực hiện cạnh tranh theo cơ chế đấu thầu. Công ty đã chủ động khai thác thị trường và tìm việc, làm thêm sản phẩm

mới ngoài khối lượng ghi trong phối hợp kinh doanh và tăng cường nâng cao sản lượng hàng gia công, chế tạo, phục hồi thay thế hàng nhập khẩu theo các văn bản của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Ban Giám đốc điều hành Công ty đã không không ngừng phát huy nội lực với tinh thần đoàn kết vì lợi ích của Công ty và lợi ích các Cổ đông, của người lao động trong Công ty, đã điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ năm 2019	KH ĐC số 6329/ TKV-KH (23/12/2019)	T.Hiện Quý IV năm 2019	Lũy kế TH năm 2019	So sánh (%)		
							TH Quý/ KH năm	Lũy kế TH/ NQ ĐHCĐ	Lũy kế TH /KHĐC 6329
A	B	C	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/1	7 = 4/2
I	**Tổng doanh thu**	Tr.đồng	**293.000**	**345.000**	**160.778**	**404.472**	**54,87**	**138,05**	**117,24**
II	**Tổng chi phí**	Tr.đồng	**287.750**	**287.750**	**159.289**	**398.934**			
III	**Lợi nhuận**	Tr.đồng	**5.250**	**5.300**	**1.489**	**5.538**	**28,36**	**105,49**	**104,49**
IV	**Lao động và tiền lương**								
1	Lao động định mức	Người	372	372	368	368	98,92	98,92	98,92
	(Gồm: LĐHĐ có thời hạn ,LĐMV)								
2	Tổng Quỹ lương	Tr.đồng	37.228	45.100,4	15.565	50.002	41,81	134,31	110,87
	Trong đó: Lương Người QL	Tr.đồng	*1.524*	*1.524*		*1.592*	*0,00*	*104,46*	*104,46*
3	Tiền lương bình quân tháng	1000đ/ ng/th	8.339	10.213	14.099	11.323	169,07	135,78	110,87

- Chiến lược phát triển kinh doanh của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban lãnh đạo điều hành xây dựng và chỉ đạo phù hợp với môi trường kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty quy định. Giám đốc và Ban lãnh đạo điều hành thực hiện việc quản lý, điều hành Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật của Nhà nước, của Điều lệ, các Quy chế, Quy định nội bộ và kỷ luật điều hành của TKV; HĐQT và Ban Giám đốc điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD của Công ty, các kinh doanh đều vượt kế hoạch về: Tổng doanh thu, lợi nhuận, tiền lương, cổ tức. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, kinh doanh an toàn, hiệu quả, phát triển, giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và lợi ích cho Công ty cũng như quyền lợi cho các cổ đông.

Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo Đại hội ./.

Nơi nhận:
- Cổ đông
- HĐQT; BKS; BGĐ
- Lưu: VT, BKS;
  Hồ sơ ĐHCĐ

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VINACOMIN

Bùi Thị Lan

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ÔTÔ - VINACOMIN

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2019

Tại Đại hội đồng Cổ đông Công ty năm 2020

Tháng 4/2020

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP Ô TÔ – VINACOMIN

Số: **1251** /BC-VMIC-HĐQT

CỘNG HOÃ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2019
Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ chức năng và nhiêm vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp ôtô - Vinacomin, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2018.

Thay mặt HĐQT Công ty tôi xin được Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động của HĐQT và kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm 2019 như sau:

I. Tình hình các thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm các thành viên:

1. Ông: Phạm Xuân Phi - Chủ tịch HĐQT
2. Ông: Zakharicov Andrey Alexandrovitch - Uỷ viên. HĐQT
3. Ông: Nguyễn Anh Tuấn - Uỷ viên. HĐQT
4. Ông: Hà Minh Thanh - Uỷ viên. HĐQT.
5. Ông: Trần Văn Trung - Uỷ viên. HĐQT.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019.

Năm 2019, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp Luật và Điều lệ của Công ty. HĐQT đã họp định kỳ và đột xuất gồm 08 phiên họp thống nhất Nghị quyết để ban hành kịp thời các quyết định cần thiết phục vụ cho hoạt động SXKD. Các quyết định quan trọng của HĐQT Công ty đã được thông qua trong năm 2019 như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày/tháng	Nội dung
1	Số: 01/2019/BB-NQ-HĐQT	03/01/2019	**1**. Thông qua Kết quả SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXSKD năm 2019. **2**. Xem xét thông qua kế hoạch Đầu tư XDCB năm 2019. **3**. Xem xét việc bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng. **4**. Xem xét thông qua các Quy chế nội bộ Công ty.
2	Số: 02/2019/BB-NQ-HĐQT	22/03/2019	**1**. Thông qua kết quả SXKD Quý I năm 2019. **2**. Thông qua chương trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2019.
			3. Thông qua chế độ thang Bảng

STT	Số Nghị quyết	Ngày/tháng	Nội dung
			lương và chế độ phụ cấp năm 2019. **4**. Xem xét thông qua việc mua lại giá trị tài sản vốn góp kinh doanh của Công ty Cổ phần XNK Colimex6. **5**. Thông qua việc cải tạo Xây dựng nhà thể thao công nhân **6**. Thông qua việc cải tạo một phần khu nhà điều hành làm nhà Tập thể cho các kỹ sư trẻ. **7**. Xem xét nâng cao công tác quản lý và niên độ công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm. **8**. Thông qua việc lựa chọn hình thức chào hàng ký hợp đồng mua sắm vật tư dài hạn. **9**. Thông qua việc hợp tác cung cấp, thuê thiết bị; Thiết kế xử lý khí thải độc khu mạ; Dịch vụ hợp tác kinh doanh. **10.** Thông qua chủ trương đào tạo Cao học ngành kỹ thuật nâng cao chất lượng đội ngũ kỹ thuật đáp ứng nhu cầu giai đoạn 2020-2025. **11.** Thông qua nội dung các Quy chế: Giám sát tài chính; Quy chế chi tiêu, sử dụng quỹ KHCN; Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động. **12**. Thông qua việc điều chỉnh vốn khác của CSH về Quỹ ĐTPT. **13**. Thông qua việc phê duyệt Quỹ lương năm 2018. **14**. Thông qua việc quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2020-2025.
3	Số: 03/2019/BB-NQ-HĐQT	15/04/2019	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và trích lập các Quỹ năm 2018.
4	Số: 04/2019/BB-NQ-HĐQT	25/04/2019	Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019. Với các nội dung: **1**. Kết quả SXKD năm 2018. **2**. Kế hoạch SXKD năm 2019. **3**. Thông qua phương án chi trả Cổ tức và trích lập các Quỹ năm 2018.

STT	Số Nghị quyết	Ngày/tháng	Nội dung
			4. Thông qua Báo cáo thù lao của các thành viên HĐQT; Ban Kiểm soát 2018 và Đề xuất thù lao của các thành viên HĐQT; Ban Kiểm soát năm 2019. **5.** Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh. **6.** Thông qua việc điều chỉnh vốn khác của CSH về Quỹ Đầu tư phát triển.
5	Số: 05/2019/BB-NQ-HĐQT	18/06/2019	**1.** Thông qua Báo cáo kết quả SXKD 5 tháng đầu năm 2019. Dự kiến thực hiện KH 6 tháng đầu năm và KH Quý III năm 2019. **2.** Thông qua việc di dời Chi nhánh do việc T.P Cẩm phả mở rộng Quảng trường 12-11. **3.** Thông qua Nguồn kinh phí chương trình đào tạo nhân lực phục vụ SXKD giai đoạn 2018-2023, tầm nhìn 2020-2025. **4.** Thông qua chương trình lắp ráp, trưng bày, thử nghiệm, kiểm tra đánh giá cấu hình, tính năng kỹ thuật các xe ô tô Quân sự.
6	Số: 06/2019/BB-NQ-HĐQT	08/08/2019	**1.** Thông qua chủ trương Hợp tác Liên danh sản xuất với Công ty HH Thiết bị Tuyển chống mài mòn Bắc Kinh. **2.** Thông qua việc Thuê chuyên gia nước ngoài thực hiện Tư vấn kỹ thuật, công nghệ, áp dụng KHCN để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chế tạo.
7	Số: 07/2019/BB-NQ-HĐQT	03/09/2019	**1.** Thông qua Báo cáo Dự kiến thực hiện kết quả SXKD 9 tháng 2019 và Dự kiến thực hiện cả năm 2019. Dự kiến kế hoạch SXKD năm 2020. **2.** Thông qua việc sáp nhập phân xưởng Sửa chữa Động cơ & Thủy lực vào Phân xưởng Sửa chữa Ô tô đổi tên thành phân xưởng Sửa chữa Ô tô và Động cơ. **3.** Thông qua chủ trương cho phép liên kết với các tổ chức KHCN, các

STT	Số Nghị quyết	Ngày/tháng	Nội dung
			nhà khoa học, các doanh nghiệp và các tổ chức trong và ngoài Tập đoàn TKV thực hiện nhiệm vụ Đề tài KHCN.
8	Số: 08/2019/BB-NQ-HĐQT	29/10/2019	Xem xét thông qua việc điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư XDCB năm 2019.

III. Về điều hành thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch SXKD năm 2019

3.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2019

+ Tổng Doanh thu đạt 404,472 tỷ/345,0 tỷ = 117% KHĐC;

+ Lợi nhuận đạt 5,538,4 tỷ/5,300 tỷ = 105,0% KHĐC; Đạt 5,538,4 tỷ/5,250 tỷ = 106,0% KH đầu năm.

+ Tiền lương bình quân đạt 11.323 tr.đ/10.213 tr.đ/ng-tháng = 111,0% KHĐC; Đạt 11.323 tr.đ/8.339 tr.đ/ng-tháng = 136,0% KH đầu năm.

3.2. So sánh với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2019

+ Doanh thu đạt: 404,472 tỷ/293,0 tỷ = 138,05% và bằng 116,02 % so với cùng kỳ năm 2018 (404.472/348.365 triệu đồng);

+ Lợi nhuận đạt đạt: 5,538,4 tỷ/5,250 tỷ = 106,0%.

+ Tiền lương bình quân đạt: 11.323 tr.đ/8.339 tr.đ/ng-tháng = 136,0%.

3.3. Nhận xét, đánh giá chung

Năm 2019 hoạt động SXKD của Công ty tiếp tục có nhiều đổi mới, được sự hỗ trợ của Tập đoàn, sự cố gắng nỗ lực đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty đã thực hiện được các mục tiêu lớn đề ra; Cụ thể:

+ Sản xuất đảm bảo an toàn; Việc làm, thu nhập, đời sống cho người lao động được ổn được định; SXKD đảm bảo hiệu quả; Các chỉ tiêu về Doanh thu, Lợi nhuận và Tiền lương của người lao động đều hoàn thành và vượt mức kế hoạch được giao.

+ Quản trị kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động ngày càng đi vào nề nếp. Chất lượng sản phẩm ổn định hơn, được khách hàng tin cậy hơn.

IV. Kết quả Giám sát đối với hoạt động quản lý của Công ty

4.1. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành Công ty

Năm 2019, Công ty có nhiều thuận lợi hơn về việc làm so với các năm trước đây; đó là hầu hết các đơn vị tham gia kế hoạch PHKD trong Tập đoàn TKV đã đưa thiết bị xe máy vào sửa chữa ngay từ đầu năm trên cơ sở đã đăng ký kế hoạch với Tập đoàn. Đặc biệt, để kịp thời chỉ đạo Tập đoàn đã ban hành văn bản số: 3036/TKV-CV ngày 14/6/2019 về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ chào hàng cạnh tranh sửa chữa TSCĐ là thiết bị nội bộ TKV. Do đó tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tham gia chào hàng để tăng sản lượng sửa chữa trung đại tu thiết bị, xe máy cao hơn so với kế hoạch được giao;

Đồng thời, do hầu hết các đơn vị sản xuất khai thác than, khoáng sản đều phải tiết giảm chi phí do đó đã chuyển từ sử dụng hàng hóa nhập khẩu sang sử dụng hàng nội địa hóa. Vì vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sang năm 2019 tập trung tăng cường nâng cao sản lượng hàng gia công, chế tạo và phục hồi. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn, Công ty đã tập trung đẩy mạnh việc sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm mới mang tính chiến lược và cốt lõi trên cơ sở công nghệ thiết bị đã đầu tư để sản xuất thay thế hàng nhập khẩu đã được Tập đoàn phê duyệt tại các văn bản số: 1919/TKV-

VTM+CV+KH ngày 26/4/2016 và văn bản số: 515/TKV-VTM+CV+KH ngày 26/01/2018 về việc hướng dẫn mua sắm vật tư trong ngành.

Ngoài ra, nhằm đảm bảo ổn định sản xuất, góp phần hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu Tập đoàn giao cho năm 2019, ngay từ đầu năm Ban điều hành Công ty đã hoạt động tích cực chỉ đạo xây dựng và ban hành kịp thời các giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện mục tiêu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019; Cũng như xây dựng kế hoạch SXKD điều hành nội bộ, giải pháp điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019.

Theo đó Công ty đã xây dựng kế hoạch mục tiêu nhiệm vụ cho từng quý và các giải pháp điều hành chi tiết. Phân công cụ thể cho từng đồng chí lãnh đạo trong Ban điều hành Công ty theo chức năng nhiệm vụ; thị trường và lĩnh vực được phân công.

Đồng thời Công ty đã xây dựng các giải pháp và đưa mục tiêu tăng cường mở rộng, khai thác hợp tác nhận thêm thị trường việc làm ngoài Tập đoàn TKV. Đặc biệt tăng tỷ trọng doanh thu, sản lượng hàng hóa gia công chế tạo và phục hồi. Mở rộng tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm mới, sản phẩm dịch vụ ngoài ngành.

Duy trì và cải tiến cơ chế tìm việc làm và tiêu thụ sản phẩm thông thoáng và hiệu quả. Nắm bắt thường xuyên các thông tin về khách hàng, thông tin về các đối tác cạnh tranh liên quan đến việc tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ của Công ty để có chính sách thị trường phù hợp.

Đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường. Nghiên cứu nhu cầu của thị trường phát triển thêm sản phẩm mới có thể tiêu thụ với số lượng lớn, ổn định.

4.2. Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty

Thực hiện nghị quyết Đại hội, trong năm 2019, HĐQT Công ty đã họp định kỳ và đột xuất, với tổng số **08** phiên họp để kịp thời ban hành các Nghị quyết, các Quyết định cần thiết phục vụ cho mọi hoạt động SXKD.

Hàng quý HĐQT đều giao chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch cho Ban Giám đốc. Định kỳ hoặc đột xuất họp giải quyết các vấn đề phát sinh, những vấn đề tồn đọng. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và đề ra giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện.

Hoạt động của HĐQT Công ty đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành kịp thời, giúp cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành SXKD của Công ty năm 2019 đạt hiệu quả.

V. Phương hướng hoạt động và một số giải pháp của HĐQT Công ty năm 2020

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2019, để đáp ứng tình hình hoạt động, phù hợp với yêu cầu thực tế, HĐQT Công ty xây dựng phương hướng nhiệm vụ và một số giải pháp chỉ đạo Ban điều hành trong năm 2020 như sau:

5.1. Tăng cường chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị trong qua trình SXKD; Kiện toàn lực lượng làm công tác an toàn. Rà soát hiệu chỉnh lại các hồ sơ, các tài liệu, quy trình, quy định về công tác an toàn lao động; Huấn luyện đào tạo công tác an toàn theo quy định hiện hành.

5.2. Tiếp tục rà, sắp xếp soát hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất, cơ cấu lao động tinh gọn cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất từng giai đoạn. Có kế hoạch tuyển dụng bổ sung đội ngũ lao động gồm kỹ sư, công nhân kỹ thuật có chất lượng cao các nghề: Tiện, phay, bào, xọc, máy gia công CNC…; Thợ sửa chữa thiết bị khai thác, sửa chữa ô tô mỏ; Ưu tiên tuyển dụng công nhân kỹ thuật, kỹ sư trẻ mới ra trường nhằm thay thế dần những công nhân, thợ sửa chữa chất lượng thấp.

5.3. Tăng cường hợp tác, liên kết với các trường, viện nghiên cứu để nâng cao năng lực sản xuất. Hợp tác, liên doanh với các tổ chức trong và ngoài nước để phát triển sản phẩm mới nhằm mở rộng thị trường theo hướng phát triển ra ngoài thị trường Tập đoàn TKV và hướng tới xuất khẩu, tạo điều kiện thuận lợi, ổn định SXKD cho Công ty khi trước mắt và lâu dài.

5.4. Rà soát các văn bản, quy chế, quy định, chỉ thị, hướng dẫn mới của Nhà nước, của Tập đoàn TKV kịp thời sửa đổi và bổ sung ban hành các quy chế, quy định quản lý theo đúng quy định, phù hợp với các quy định của pháp luật.

5.5. Bám sát kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Từng tháng , quý tập trung chỉ đạo điều hành sản xuất.

5.6. Thực hiện công tác quản trị SXKD phù hợp với thị trường, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020. Hoạt động SXKD đảm bảo hiệu quả, đạt lợi nhuận theo kế hoạch và bảo toàn vốn cho các cổ đông.

5.7. Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty, nhu cầu của thị trường, tiếp tục xem xét các hạng mục đầu tư máy móc, thiết bị, đổi mới công nghệ. Mục tiêu chỉ đầu tư những thiết bị thật cần thiết, chắc chắn mang lại hiệu quả khi đầu tư để triển khai phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty. Sử dụng nguồn vốn có hiệu quả. Trước mắt tập trung đầu tư các mục đã được HĐQT thông qua và được Tập đoàn TKV phê duyệt.

5.8. Thực hiện tốt công tác Công tác quân sự quốc phòng, giữ vững an ninh trật tư doanh nghiệp, bảo vệ tài sản Công ty. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị; Không để xảy ra sự cố cháy nổ, TNLĐ nghiêm trọng.

5.9. Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, các tổ chức chính trị tạo sự đồng thuận, đoàn kết thống nhất nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp vì sự phát triển ổn định, lâu dài của Công ty.

Trên đây là báo cáo một số nội dung chính hoạt động của HĐQT Công ty năm 2019 và Phương hướng hoạt động của HĐQT Công ty năm 2020, xin được báo cáo trước toàn thể Quý vị Cổ đông Công ty./.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận :
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Các Cổ đông Công ty;
- Lưu Thư ký HĐQT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Phi

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNGTY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số: 1139/T.tr-VMIC-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô – Vinacomin;
- Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 4/12/2013 của Bộ tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;
- Căn cứ danh sách kèm theo Quyết định số: 2358/QĐ-BTC ngày 13/11/2019 về tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020;
- Căn cứ danh sách các công ty kiểm toán dự kiến mời chào giá kiểm toán ngày 05/3/2020 đã được HĐQT và Ban kiểm soát thông qua.
- Căn cứ báo giá của các công ty kiểm toán.

1. Tên nhà cung cấp dịch vụ: Công ty TNHH kiểm toán An Việt
- Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà AC, 78 Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

2. Tên nhà cung cấp dịch vụ: Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế
- Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Center Building, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

3. Tên nhà cung cấp dịch vụ: Công ty TNHH PKF Việt Nam
- Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Center Building, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô – Vinacomin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc: Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

- Ban kiểm soát đã thực hiện mở chào giá do các đơn vị gửi theo quy định. Căn cứ báo gía phí dịch vụ kiểm toán, năng lực, kinh nghiệm của các công ty kiểm toán.

Báo giá dịch vụ của các Công ty kiểm toán	**Báo giá 2 kỳ**	**Báo giá 1 kỳ**
1/ Công ty TNHH kiểm toán An Việt	175.000.000	155.000.000
2/ Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế	170.000.000	140.000.000
3/ Công ty TNHH PKF Việt Nam	155.000.000	125.000.000

- Ban kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông năm 2020 của Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô – Vinacomin phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty và ủy quyền cho Giám đốc thương thảo, ký hợp đồng kiểm toán với: Công ty TNHH PKF Việt Nam; Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Center Building, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Trong trường hợp không thống nhất được với công ty kiểm toán trên về tiến độ và giá phí, Đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận theo Quyết định số: 2358/QĐ-BTC ngày 13/11/2019 của Bộ Tài chính để thương thảo và ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ./.

Nơi nhận:
- Cổ đông ; HĐQT; BKS
- Lưu: VT, BKS; Hồ sơ ĐHCĐ

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 5700353... CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VINACOMIN TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH

BÙI THỊ LAN